

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

TRƯỜNG THPT THƯỢNG CÁT



SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

**SỬ DỤNG SƠ ĐỒ TƯ DUY TẠO ĐỘNG LỰC CHO HỌC
SINH LỚP 10 TRONG BÀI HỌC NGỮ PHÁP TIẾNG ANH
TẠI TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THƯỢNG CÁT,
HÀ NỘI**

Lĩnh vực/Môn: Tiếng Anh

Cấp học: Trung học phổ thông

Tên tác giả: KHUẤT THỊ HẠNH

Đơn vị công tác: Trường THPT Thượng Cát

Chức vụ: Giáo viên

Năm học 2022-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi: Hội đồng xét duyệt SKKN trường THPT Thượng cát
Hội đồng xét duyệt SKKN Sở Giáo dục và đào tạo Hà Nội

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tên sáng kiến
Khuất Thị Hạnh	18/11/1975	Trường THPT Thượng Cát	Giáo viên	Thạc sĩ	Sử dụng sơ đồ tư duy tạo động lực cho học sinh lớp 10 trong bài học ngữ pháp Tiếng Anh tại trường THPT Thượng Cát, Hà Nội

- Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Tiếng Anh
- Sáng kiến này áp dụng cho việc thiết kế bài học ngữ pháp nhằm tạo động lực cho học sinh lớp 10 trong bài học ngữ pháp Tiếng Anh tại trường phổ thông.
- Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử: 15/2/2022
- Mô tả bản chất của sáng kiến: Với mục đích chia sẻ những giải pháp, những kinh nghiệm đã làm trong công tác dạy học, sáng kiến kinh nghiệm có các nội dung chính sau:
- + Thí điểm sử dụng sơ đồ tư duy trong dạy ngữ pháp tiếng Anh cho học sinh lớp 10 trường THPT Thượng Cát.
 - + Đánh giá cách học sinh phản ứng với việc áp dụng sơ đồ tư duy trong các bài học ngữ pháp tiếng Anh và liệu sơ đồ tư duy có thể thúc đẩy học sinh học ngữ pháp hay không. Công cụ để thu nhận dữ liệu cho việc đánh giá này là khảo sát, quan sát lớp và phỏng vấn các học sinh và giáo viên đã tham gia.
- Những thông tin cần được bảo mật (nếu có): không
- Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:
- + Giáo viên cần đảm bảo cho học sinh hiểu sơ đồ tư duy là gì, quá trình tạo sơ đồ tư duy. Quan sát để thấy được những khó khăn của từng học sinh, từ đó hỗ trợ học sinh kịp thời, như vậy học sinh sẽ lập sơ đồ tư duy thành thạo, tránh tâm lý ngại học cái mới, học theo lối mòn.
 - + Không nên áp dụng sơ đồ tư duy trong những bài dạy cấu trúc câu đơn lẻ.
 - + Học sinh có đầy đủ dụng cụ học tập như bút chì nhiều màu hay thiết bị thông minh.
 - + Học sinh tìm hiểu về hiện tượng ngữ pháp sẽ học, chuẩn bị ý chính của hiện tượng ngữ pháp đó.

+ Giáo viên cần không ngừng học hỏi để tiếp cận các phong cách vẽ sơ đồ tư duy mới và nâng cao kỹ năng sử dụng sketchnote để tạo ra các bài học ngữ pháp sơ đồ tư duy hấp dẫn.

- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả:

Qua nghiên cứu và ứng dụng sơ đồ tư duy trong các bài học ngữ pháp, tôi nhận thấy nó giúp ích rất nhiều cho học sinh: Từ dữ liệu thu thập được cũng cho thấy rằng sự tương tác và thái độ của học sinh trong lớp cũng như bầu không khí chung trong lớp học luôn tích cực. Học sinh chú ý và hiểu các hướng dẫn và chủ đề được trình bày hiệu quả. Trong khi làm việc với sơ đồ tư duy, học sinh rất hợp tác với giáo viên. Hơn nữa, học sinh thể hiện sự nhiệt tình hơn khi tham gia vào các hoạt động nhóm hoặc các phần trình bày với sơ đồ tư duy, giúp họ nắm bắt tốt hơn các bài học ngữ pháp, cải thiện kỹ năng ghi chép, tham gia tích cực hơn trong lớp và góp phần phát triển các kỹ năng tư duy phản biện. Theo đó, nhà nghiên cứu có thể khẳng định việc sử dụng sơ đồ tư duy để dạy ngữ pháp đã tác động tích cực đến cách tiếp cận học tập của học sinh. Học sinh có thể đạt được sự độc lập, chủ động và sáng tạo trong khi phát triển các chiến lược học tập.

- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu hoặc áp dụng thử nếu có: Việc sử dụng sơ đồ tư duy trong dạy học không còn mới, tuy nhiên chưa có nghiên cứu nào về tác động của nó trong bài học ngữ pháp tiếng Anh. Việc áp dụng sáng kiến này là phù hợp với thực tiễn trong nhà trường và có hiệu quả tốt trong việc nâng cao động lực học tập của học sinh giúp học sinh hứng thú hơn từ đó nâng cao chất lượng bộ môn.

Tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2023

Người nộp đơn



Khuất Thị Hạnh

PHIẾU NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

Họ tên tác giả: Thiếu Thị Hạnh
Tên đề tài: Sử dụng sơ đồ tư duy tạo động lực cho học sinh lớp 10 trong bài học Ngữ Pháp T. Anh tại trường THPT Thuận Phước
Lĩnh vực: Tiếng Anh

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa
1	Sáng kiến có tính mới	28
1.1	Hoàn toàn mới, được áp dụng đầu tiên	30
1.2	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ khá	20
1.3	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình	10
1.4	Không có tính mới hoặc sao chép từ các giải pháp đã có trước đây	0
Nhận xét: <u>S.K.K.N hoàn toàn mới được áp dụng lần đầu tiên với đối tượng học sinh lớp 10 ở trường THPT Thuận Phước</u>		
2	Sáng kiến có tính áp dụng	25
2.1	Có khả năng áp dụng trong phạm vi toàn ngành hoặc rộng hơn	30
2.2	Có khả năng áp dụng trong đơn vị và có thể nhân ra một số đơn vị có cùng điều kiện	20
2.3	Có khả năng áp dụng trong đơn vị	10
2.4	Không có khả năng áp dụng trong đơn vị	0
Nhận xét: <u>Có khả năng áp dụng trong các trường có chất lượng giảng dạy ngữ pháp môn Tiếng Anh</u>		
3	Sáng kiến có tính hiệu quả	27
3.1	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội, có tính lan tỏa	30
3.2	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội	20
3.3	Có hiệu quả, lợi ích phù hợp với mức độ phù hợp tại đơn vị	10
3.4	Không có hiệu quả cụ thể	0
Nhận xét: <u>Đã được áp dụng có hiệu quả ở các lớp được áp dụng nghiên cứu và có thể áp dụng rộng rãi</u>		
4	Diễn trình bày	10
4.1	Trình bày khoa học, hợp lý	10
4.2	Trình bày chưa khoa học, chưa hợp lý	5
Nhận xét: <u>Trình bày khoa học, hợp lý</u>		
Tổng cộng: <u>90</u>		
Đánh giá: ☒ Đạt (≥ 70 điểm) ☐ Không đạt		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN CƠ SỞ



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Anh Phương

MỤC LỤC

	Trang
Phần I. ĐẶT VẤN ĐỀ	1
<i>Cơ sở lý luận của vấn đề</i>	1
<i>Cơ sở thực tiễn</i>	2
<i>Mục đích của đề tài</i>	3
<i>Đối tượng, phạm vi của đề tài</i>	3
<i>Sơ lược kết quả của đề tài</i>	4
Phần II. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ	4
1. Dạy và học ngữ pháp tiếng Anh	4
1.1. Định nghĩa ngữ pháp	4
1.2. Dạy ngữ pháp	5
1.3. Học ngữ pháp	6
2. Sơ đồ tư duy	7
2.1. Định nghĩa sơ đồ tư duy	7
2.2. Khả năng ứng dụng sơ đồ tư duy trong dạy học ngữ pháp tiếng Anh.....	8
2.3. Ưu và nhược điểm của sơ đồ tư duy.....	8
2.4. Các bước chính để tạo và sử dụng sơ đồ tư duy.....	9
2.4.1 Cách tạo sơ đồ tư duy	9
2.4.2 Cách đọc sơ đồ tư duy	10
3. Động lực	11
3.1. Định nghĩa của động lực	11
3.2. Động lực học ngoại ngữ ;.....	12
4. Phương pháp nghiên cứu của đề tài	13
4.1. Công cụ thu thập dữ liệu	14
4.2. Quan sát lớp	14
4.3. Bảng câu hỏi khảo sát	14
4.4. Phỏng vấn	14
5. Quá trình áp dụng.....	14
5.1. Can thiệp sư phạm	14
5.2. Giáo án	14
5.3. Quan sát lớp	14
5.4. Bảng câu hỏi điều tra	15
5.5. Phỏng vấn	15
6. Phân tích dữ liệu	15
7. Kết quả của đề tài	17
7.1 Thông tin cơ bản và tổng quan về việc học ngữ pháp tiếng Anh của học sinh.	17

7.2 Quan sát lớp từ giáo viên	17
7.3. Khảo sát từ học sinh	19
7.4 Phỏng vấn học sinh	21
Phần III. KẾT THÚC VẤN ĐỀ	23
1. Kết luận	23
2. Bài học kinh nghiệm	24
3. Hạn chế của đề tài	26
4. Khuyến nghị, đề xuất	26
DANH MỤC THAM KHẢO	28
PHỤ LỤC	30
1. Bảng câu hỏi khảo sát	30
2. Quan sát lớp	32
3. Câu hỏi phỏng vấn	32
4. Bài dạy mẫu	32
5. Một số sản phẩm của học sinh	44

Phần I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cơ sở lý luận của vấn đề

Ngày nay với tư cách là một ngôn ngữ quốc tế, Tiếng Anh ngày càng được sử dụng rộng rãi trên nhiều lĩnh vực với nhiều mục đích đa dạng, chúng ta cần phải giao lưu học hỏi nhiều và rộng hơn nữa để tiếp thu những điều chưa biết và cần biết với tầm quan trọng của bộ môn ngoại ngữ. Và mỗi người giáo viên ngoại ngữ đều đang nỗ lực cố gắng tìm ra những phương pháp dạy học có hiệu quả giúp cho học sinh làm chủ được môn học và kiến thức của mình. Theo truyền thống, ngữ pháp được coi là một thành phần quan trọng của năng lực ngôn ngữ phải được nắm vững trong ngữ cảnh của một ngôn ngữ thứ hai. Mục tiêu của các bài học ngữ pháp luôn là tìm ra những cách hiệu quả để dạy ngữ pháp và khuyến khích học sinh sử dụng nó một cách thích hợp. Nhiều nghiên cứu liên quan đến sơ đồ tư duy trong dạy và học đã được tiến hành và các nhà nghiên cứu đã chứng minh được giá trị của nó. Tuy nhiên, không có nhiều nghiên cứu về ứng dụng của nó để tạo hứng thú cho học sinh trong giờ học ngữ pháp tiếng Anh.

(Rof'i et al., 2014) đã chứng minh rằng bản đồ tư duy khiến học sinh thích viết. Các học sinh thích tham gia vào các nhiệm vụ viết vì chiến lược này đã cải thiện động lực của họ. Bên cạnh đó, kỹ thuật này cho phép học sinh truyền đạt ý tưởng, và cảm xúc của mình bằng văn bản. Việc sử dụng sơ đồ tư duy trong dạy viết đoạn văn đã tạo động lực hiệu quả cho học sinh, đặc biệt là những học sinh thiếu động lực.

Ngoài ra, Murley (2007:15) lưu ý rằng rất dễ hiểu các bản đồ được vẽ trên sơ đồ tư duy. Điều này mang lại lợi ích cho học viên vì nó tiết kiệm thời gian và tăng năng suất. Các cách học khác nhau trong các lớp từ vựng cũng có thể được sử dụng. Bản đồ tư duy đặc biệt hữu ích cho người học trực quan dễ tiếp thu hơn khi nó được trình bày thông qua sơ đồ và các phương tiện trực quan tương tự hơn là thông qua văn bản.

Theo (Wang, 2019), việc sử dụng kỹ thuật sơ đồ tư duy trong ngữ pháp tiếng Anh giúp học sinh chủ động và hứng thú hơn trong việc học. Các nhà nghiên cứu khác đã xem xét tác động của bản đồ tư duy đối với việc học và ghi nhớ từ vựng (Heidari & Karimi, 2015). Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng phương pháp này giúp học sinh nhanh chóng nắm vững từ vựng mới. Bên cạnh đó, (Wibowo, 2020) đã cho thấy học sinh rất hào hứng phân tích tài liệu bằng sơ đồ tư duy và bản đồ tư duy không chỉ cung cấp cái nhìn tổng quan về tài liệu mà còn giúp học sinh tích cực đóng góp ý kiến và là thước đo để đánh giá học sinh ' sự hiểu biết về tài liệu trong quá trình dạy và học. (Wibowo, 2020) đã đi đến kết luận rằng bản đồ tư duy giúp học sinh có cái nhìn tổng quan về nội dung ngữ pháp và giúp họ nắm bắt nó tốt hơn. Bản đồ tư duy, theo cả (Wibowo, 2020) và (Wang, 2019), làm cho các khái niệm cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh dễ nhớ hơn đối với học sinh. (Keleş, 2012) phỏng vấn các giáo viên tiểu học. Kết quả của ông cho thấy việc đưa Sơ đồ tư duy vào giảng dạy đã giúp giáo viên nâng cao kỹ năng giảng dạy, lập kế hoạch và đánh giá; và làm cho bài giảng thú vị hơn. Ông gợi ý rằng kỹ thuật Bản đồ Tư duy có thể được áp dụng cho nhiều lĩnh vực hơn bằng

cách phân tích mối quan hệ của nó với các biến số khác nhau, chẳng hạn như các khóa học và người tham gia khác nhau.

Mặc dù có nhiều nỗ lực để thực hiện thành công nhiều cách khác nhau trong việc giảng dạy tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai, nhưng vẫn có những thách thức đáng kể mà giáo viên và học sinh phải đối mặt trong lớp học ngôn ngữ. Nhiều giáo viên có xu hướng áp dụng các phương pháp dạy ngữ pháp mới, nhưng việc dạy ngữ pháp hiệu quả vẫn cần được quan tâm nhiều hơn. Hầu hết giáo viên ngoại ngữ đã nhận thức được tầm quan trọng của ngữ pháp trong việc học tiếng Anh. Năng lực sử dụng đúng ngữ pháp giúp học sinh vận dụng tốt để đặt câu, hoàn thành các nhiệm vụ ngữ pháp trên lớp và hỗ trợ các em giao tiếp thành công. Ngoài ra, nắm vững kiến thức ngữ pháp sẽ nâng cao hiệu quả học tập và kết quả thi tiếng Anh vì kiến thức ngữ pháp chiếm tỷ lệ lớn trong các bài thi. Ngoài ra, nắm vững kiến thức ngữ pháp cũng sẽ giúp học sinh cải thiện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Theo (Bradshaw, 2013), “Ngữ pháp là nền tảng cho giao tiếp bất kể ở quốc gia hay ngôn ngữ nào. Điều đó có nghĩa là ngữ pháp càng tốt, thông điệp càng rõ ràng thì càng có nhiều khả năng hiểu được mục đích và ý nghĩa của thông điệp”. Không thể phủ nhận rằng đối với nhiều người học tiếng Anh, học ngữ pháp là một trong những thách thức mà họ phải đối mặt. Và bản thân người học cũng đang tìm kiếm và mong muốn có được những kỹ năng giúp học ngữ pháp hiệu quả.

Cơ sở thực tiễn

Là giáo viên dạy môn Tiếng Anh của trường THPT Thượng Cát, dựa trên kết quả kiểm tra ngữ pháp Tiếng Anh và quan sát trong giờ dạy, tôi nhận thấy một bộ phận không nhỏ học sinh học kém ngữ pháp Tiếng Anh. Nhiều học sinh thường cảm thấy nhàm chán trong các bài học ngữ pháp. Nhiều người trong số họ cảm thấy khó ghi nhớ các quy tắc và hình thức của các điểm ngữ pháp. Một số em có cảm giác căng thẳng tiêu cực khi không hiểu được những điểm ngữ pháp đã học và cảm thấy sợ hãi khi làm bài kiểm tra tiếng Anh liên quan đến các quy tắc ngữ pháp. Một vấn đề nữa là học sinh thiếu động cơ học tập, đặc biệt là học sinh chưa biết cách ghi chép các hiện tượng ngữ pháp.

Năm học 2021-2022, học sinh lớp 10 đang sử dụng TIẾNG ANH 10 – Thí điểm, theo giáo trình theo chủ đề. Các bài học được tổ chức dựa trên các chủ đề phù hợp với học sinh trung học phổ thông: Cuộc sống gia đình, Cơ thể của bạn và bạn, Bình đẳng giới, v.v. Đây là một lợi ích đáng kể của sách giáo khoa vì nó phù hợp với nhu cầu, sở thích và kinh nghiệm sống của học sinh. Học sinh học ba tiết tiếng Anh mỗi tuần; Như vậy, ngữ pháp chỉ chiếm hai tiết (90 phút) mỗi ba tuần. Do thời lượng ít, học sinh phải vật lộn để ghi nhớ các quy tắc ngữ pháp, dẫn đến cảm giác khó chịu khi đến các buổi học ngữ pháp. Vì vậy, giáo viên cần tìm ra những cách phù hợp hơn để nâng cao năng lực ngữ pháp cho học sinh. Sử dụng bản đồ tư duy có thể là một công cụ tốt giúp thúc đẩy sự tham gia của học sinh vào bài học. “Bản đồ tư duy là một phác thảo trong đó các danh mục chính tỏa ra từ hình ảnh trung tâm và các danh mục phụ được thể hiện dưới dạng các nhánh của các nhánh lớn hơn” (Budd,

2004). Buzan (1993:15) nói rằng bản đồ tư duy là một kỹ thuật đồ họa mạnh mẽ cung cấp chìa khóa vạn năng để khai phá tiềm năng của bộ não. Nó là một bản đồ trực quan về các ý tưởng, được sắp xếp theo định dạng xuyên tâm xung quanh trung tâm tư duy và nó bao gồm sự kết hợp độc đáo giữa hình ảnh, màu sắc và không gian trực quan, sự sắp xếp này đã được chứng minh là cải thiện đáng kể khả năng ghi nhớ so với các phương pháp học thuộc lòng và ghi chép thông thường.

Nhiều nghiên cứu về cách sử dụng bản đồ tư duy hiệu quả đã được thực hiện, tuy nhiên, hầu hết được tiến hành trong các kỹ năng từ vựng, đọc hoặc viết. Có rất ít nghiên cứu về ứng dụng của nó như là động lực trong các bài học ngữ pháp tiếng Anh. Vì vậy, tác giả có động lực thực hiện nghiên cứu “Sử dụng sơ đồ tư duy để tạo hứng thú cho học sinh lớp 10 trong giờ học ngữ pháp tiếng Anh tại trường THPT Thượng Cát, Hà Nội”.

Mục đích của đề tài

Nghiên cứu này nhằm mục đích khám phá xem sơ đồ tư duy có thể là một công cụ hiệu quả để dạy ngữ pháp tiếng Anh và tạo động lực cho học sinh trung học trong các bài học ngữ pháp hay không. Để đạt được mục tiêu trên, một số mục tiêu được đặt ra như sau: 1) Thí điểm sử dụng sơ đồ tư duy trong dạy ngữ pháp tiếng Anh cho học sinh lớp 10 trường THPT Thượng Cát; 2) Đánh giá cách học sinh phản ứng với việc áp dụng sơ đồ tư duy trong các bài học ngữ pháp tiếng Anh và liệu sơ đồ tư duy có thể thúc đẩy học sinh học ngữ pháp hay không; 3) Đề xuất các giải pháp giúp giáo viên trường THPT Thượng Cát thiết kế các bài dạy ngữ pháp hấp dẫn để việc dạy ngữ pháp đạt hiệu quả cao hơn.

Đối tượng, phạm vi của đề tài

Giáo viên : Các giáo viên trong nghiên cứu này bao gồm tôi và hai giáo viên quan sát khác. Tôi là người chịu trách nhiệm chính trong việc áp dụng sơ đồ tư duy vào các bài học ngữ pháp tiếng Anh. Để đảm bảo tiến độ nghiên cứu, tôi đã mời hai giáo viên trong Tổ tiếng Anh của trường. Các giáo viên này đóng vai trò là người quan sát, giúp tôi ghi lại quá trình dạy ngữ pháp tiếng Anh bằng sơ đồ tư duy và quan sát sự tham gia của học sinh vào bài học để giúp tôi có được những dữ liệu sát thực nhất.

Học sinh: Đối tượng nghiên cứu là 92 học sinh thuộc hai lớp 10A2 và 10A8 của khối 10 trường THPT Thượng Cát - Năm học 2020-2021. Lý do chọn hai lớp học này là vì tôi đã dạy các em ở học kỳ 1 và nhận thấy rằng các em chưa hứng thú với các bài học ngữ pháp và thiếu động lực để tham gia các hoạt động trên lớp. Mặc dù những học sinh này đã học tiếng Anh ở trường trung học cơ sở, nhưng nhiều em có trình độ tiếng Anh nói chung và ngữ pháp nói riêng thấp. Khi tôi trao đổi với học sinh lớp 10, nhiều em chia sẻ rằng các em cảm thấy khó nhớ khối lượng cấu trúc ngữ pháp, quy tắc ngữ pháp và thường cảm thấy nhàm chán với các bài học ngữ pháp.

Trong nghiên cứu này, tôi tập trung vào việc sử dụng sơ đồ tư duy để tạo động lực cho học sinh lớp 10 trường THPT Thượng Cát trong việc học ngữ pháp tiếng Anh. Các điểm ngữ pháp trọng tâm thuộc Unit 7 đến Unit 9 sách Tiếng Anh thí điểm - tập 2 học kỳ 2 năm học

2021-2022, lần lượt bao gồm các dạng so sánh hơn và so sánh nhất, mệnh đề quan hệ và câu tường thuật.

Sơ lược kết quả của đề tài

Theo truyền thống, ngữ pháp được coi là một thành phần quan trọng của năng lực ngôn ngữ phải được nắm vững trong ngữ cảnh học Tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai. Mục tiêu của các bài học ngữ pháp luôn là tìm ra những cách hiệu quả để dạy ngữ pháp và khuyến khích học sinh sử dụng nó một cách thích hợp. Đối tượng nghiên cứu là chín mươi hai học sinh lớp 10 trường THPT Thượng Cát năm học 2021-2022. Đề tài này nhằm mục đích xác định xem việc sử dụng bản đồ tư duy trong các bài học ngữ pháp có thể thúc đẩy học sinh học tập hiệu quả hơn hay không. Quan sát lớp học, bảng câu hỏi và phỏng vấn đã được sử dụng để thu thập dữ liệu định tính và định lượng cho đề tài nghiên cứu này. Nghiên cứu sử dụng phương pháp kết hợp, bao gồm quan sát lớp học, bảng câu hỏi và phỏng vấn. Dữ liệu thu thập được cho thấy rằng học sinh rất nhiệt tình tham gia vào các hoạt động được tổ chức trong lớp. Quan sát lớp học được thực hiện nhằm thu thập thông tin về phản ứng, hành vi và thái độ của học sinh trong giờ học ngữ pháp. Sau đó, một cuộc khảo sát và phỏng vấn đã được thực hiện để thu thập quan điểm của người học về chủ đề học ngữ pháp cũng như phản hồi của họ về việc sử dụng sơ đồ tư duy trong các buổi học ngữ pháp. Kết quả cho thấy việc triển khai sơ đồ tư duy trong dạy ngữ pháp không chỉ được sử dụng để cung cấp cái nhìn tổng quan về ngữ liệu mà còn có một số lợi ích khi sử dụng sơ đồ tư duy trong dạy ngữ pháp, bao gồm: giúp ngữ pháp dễ hiểu hơn; thúc đẩy học sinh tham gia vào các hoạt động hơn, giúp học sinh dễ dàng ghi nhớ khái niệm cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh; và giúp học sinh hứng thú hơn trong giờ học ngữ pháp tiếng Anh.

Phần II. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

1. Dạy và học ngữ pháp tiếng Anh

1.1. Định nghĩa ngữ pháp

Ngữ pháp là cách một ngôn ngữ sắp xếp ý nghĩa. Để hiểu ngôn ngữ được hình thành và sử dụng một cách tự nhiên như thế nào, trước tiên người ta phải hiểu cấu trúc của nó. Nó liên quan đến việc kết hợp các cụm từ, mệnh đề hoặc câu. Chúng ta không thể phủ nhận rằng các cấu trúc giúp chúng ta tạo ra các cụm từ chính xác về mặt ngữ pháp để truyền đạt thông điệp, ý tưởng và sự kiện của chúng ta. Để đánh giá cấu trúc câu của học sinh có đúng hay không, các em phải nắm vững các quy tắc Ngữ pháp tiếng Anh. Theo (Ismail, 2010), “Ngữ pháp rất quan trọng trong giao tiếp vì nó cho biết cách sử dụng ngôn ngữ”

Thornbury (2004) đã mở rộng định nghĩa ngữ pháp để bao gồm cả khía cạnh chức năng. Ông định nghĩa ngữ pháp là một quá trình làm cho giao tiếp trở nên rõ ràng khi không có thông tin theo ngữ cảnh. Nó cũng được định nghĩa là tập hợp các quy tắc cấu trúc chi phối thành phần của mệnh đề, cụm từ và từ trong bất kỳ ngôn ngữ tự nhiên nào. Singh (2011) đã chỉ ra rằng Ngữ pháp là một trong những yếu tố chính mà một ngôn ngữ có, nó đề cập đến

tính đúng đắn của ngôn ngữ trong một từ. Nghĩa là, nó mô tả và định hình ngôn ngữ về mặt hình thái, âm vị, cú pháp và ngữ nghĩa. Abu Taleb (2015) cũng đề cập rằng ngữ pháp là cấu trúc có hệ thống và có tổ chức của ngôn ngữ. Đó là các quy tắc trong đó người dùng ngôn ngữ có thể tạo ra và làm cho một từ, câu và đoạn văn có nghĩa.

Nhà ngôn ngữ học Wilkins (1987), như đã nói trong (Wang, 2019) “Không có ngữ pháp, người ta có thể diễn đạt rất ít thứ, không có từ ngữ, người ta không thể diễn đạt được gì.” Câu nói này đủ để minh họa tầm quan trọng của việc học ngữ pháp.

1.2. Dạy ngữ pháp

Dạy ngữ pháp luôn là một trong những khía cạnh gây tranh cãi nhất và ít được hiểu nhất trong việc dạy ngôn ngữ. Trong thực tế có một số ít giáo viên còn thờ ơ với việc dạy ngữ pháp và nhiều giáo viên bị ám ảnh bởi nó. Trong những năm gần đây, việc dạy ngữ pháp đã lấy lại được vị trí xứng đáng của nó trong chương trình giảng dạy ngôn ngữ. Mọi người đều đồng ý rằng ngữ pháp quá quan trọng không thể bỏ qua và nếu không có kiến thức tốt về ngữ pháp, sự phát triển ngôn ngữ của người học sẽ bị hạn chế nghiêm trọng.

Phương pháp dạy học cũng góp phần quan trọng vào sự thành công của tiết dạy. Phương pháp dạy ngữ pháp thường không được chỉ định trong sách giáo khoa. Người giáo viên phải làm quen với các phương pháp giảng dạy ngôn ngữ truyền thống cũng như mới. Và chính giáo viên là người quyết định phương pháp nào phù hợp để dạy một chủ đề ngữ pháp cụ thể.

Phương pháp suy luận để dạy ngữ pháp: Học sinh các lớp lớn đánh giá cao và hưởng lợi từ hướng dẫn trực tiếp cho phép họ áp dụng các kỹ năng tư duy phản biện vào việc học ngôn ngữ. Giáo viên có thể tận dụng lợi thế này bằng cách giải thích từng điểm ngữ pháp theo cách giúp học sinh hiểu mô tả. Khi thực hiện theo phương pháp này, giáo viên nên ghi nhớ những lời khuyên sau:

- * Dạy điểm ngữ pháp bằng chính ngôn ngữ học sinh đang học hoặc ngôn ngữ mẹ đẻ của học sinh, hoặc cả hai. Mục đích là để tạo điều kiện cho sự hiểu biết.
- * Giới hạn phần giải thích ngữ pháp trong 10 phút, nhất là đối với học sinh trình độ thấp khả năng duy trì sự chú ý còn hạn chế.
- * Để đáp ứng nhu cầu của học sinh với các phong cách học tập khác nhau, hãy trình bày các điểm ngữ pháp ở dạng viết, vẽ và nói.

Đưa ra các ví dụ là một phần quan trọng trong việc dạy ngữ pháp. Giáo viên phải luôn cẩn thận lên kế hoạch cho các ví dụ của mình xung quanh hai nguyên tắc cơ bản:

- * Đảm bảo rằng các ví dụ là chính xác và phù hợp. Họ phải trình bày ngôn ngữ phù hợp, phù hợp về mặt văn hóa với ngữ cảnh và phù hợp với bài học.
- * Sử dụng các ví dụ để dạy người khác. Tập trung các ví dụ về một chủ đề hoặc chủ đề duy nhất để học sinh có thể trở nên quen thuộc hơn với thông tin và từ vựng cụ thể.

Phương pháp dạy ngữ pháp quy nạp: Phương pháp dạy ngữ pháp quy nạp trình bày một số ví dụ phù hợp với chủ đề để học sinh có thể quan sát các khái niệm khác nhau trong thực

tế thay vì dạy trực tiếp các quy tắc. Không có mô tả hoặc giải thích trước về khái niệm này. Khả năng của người học để nhận ra một cách tự nhiên các quy tắc cơ bản được dự đoán. Trên thực tế, với cách tiếp cận này, chính học sinh là người phát hiện ra các quy tắc và xem chúng được áp dụng như thế nào trong các tình huống thực tế. Mục tiêu chính của phương pháp này là giúp học sinh hiểu và ghi nhớ các quy tắc này trong một khoảng thời gian dài hơn cho đến khi họ tiếp thu hoàn toàn các nguyên tắc hướng dẫn này.

Trong phương pháp này, học sinh tích cực tham gia vào quá trình học tập; do đó học sinh chú ý và có động lực hơn. Họ phát triển cảm giác hoàn thành từ đó, và tận hưởng cảm giác thành công. Ngoài ra, nó thúc đẩy tính độc lập, khiến họ trở thành những người học độc lập.

Dạy tương tác: Kết hợp tương tác vào bài học là một phương pháp dạy ngữ pháp khác. Sử dụng các trò chơi để dạy ngữ pháp cho phép học sinh tham gia đồng thời giúp họ ghi nhớ những gì họ đã học. Phương pháp này cho phép giáo viên điều chỉnh bài học của họ cho phù hợp với các phong cách học tập khác nhau của học sinh. Ví dụ, mỗi học sinh có thể được phát một thẻ ghi chú lớn với một từ trên đó và họ sẽ phải tự sắp xếp thành một câu thích hợp. Ngoài ra còn có các trò chơi câu đố chữ và câu đố trực tuyến giải trí.

Cho đến hiện tại nhiều phương pháp giảng dạy ngữ pháp đã được phát triển, loại bỏ hoặc kết hợp, tất cả đều có cùng mục tiêu dạy học sinh cách giao tiếp hiệu quả và hiểu cách sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh. Để đạt được kết quả tốt nhất về các điểm ngữ pháp đã dạy, giáo viên nên sử dụng các phương pháp phù hợp và hiệu quả trong một số bài Ngữ pháp nhất định.

1.3. Học ngữ pháp

Ngữ pháp đóng một vai trò quan trọng trong việc học ngôn ngữ, chúng giải thích cách các từ được tổ chức trong một câu. Khi một người nói và viết, họ phải đặt các từ theo đúng thứ tự để người khác có thể đọc và hiểu những gì họ nói hoặc viết. Ngữ pháp chỉ là các quy tắc nên việc học các quy tắc thường khiến học sinh cảm thấy nhàm chán và khó nhớ các quy tắc dài. Đặc biệt, nhiều bài kiểm tra đánh giá khả năng sử dụng ngữ pháp của học sinh như bài kiểm tra giữa kỳ, bài kiểm tra cuối kỳ hay kỳ thi TNTHPT. Bên cạnh đó, muốn nói tiếng Anh tốt, người học chắc chắn không thể nói sai câu, dùng sai thì hoặc dạng.

Ngoài ra còn có rất nhiều chiến lược học ngữ pháp được đề xuất. Rang Lee & Park (2007) đã mô tả các chiến lược học ngữ pháp là "những hành động và suy nghĩ mà người học sử dụng một cách có ý thức để làm cho việc học ngôn ngữ và/hoặc sử dụng ngôn ngữ dễ dàng hơn, hiệu quả hơn và thú vị hơn". Đối với tất cả các loại hành vi chiến lược khác, các chiến lược học ngữ pháp có các đặc điểm riêng biệt như được tóm tắt bởi Pawlak (2009) Đó là: (1) chúng là những hành động được thực hiện bởi người học; (2) Ứng dụng của chúng ít nhất là có ý thức; (3) Chúng là phương tiện tùy chọn mà người học lựa chọn; (4) Việc sử dụng chúng yêu cầu hoạt động có chủ đích, hướng đến mục tiêu, (5) Chúng được sử dụng để điều chỉnh, tạo điều kiện và kiểm soát quá trình học và (6) việc sử dụng chúng nhằm tạo

Quan niệm của tác giả về việc học ngữ pháp tiếng Anh là ngữ pháp giúp học sinh sửa lỗi sai và cải thiện bài viết. Một người không thể học ngoại ngữ một cách chính xác chỉ thông qua quá trình đồng hóa một cách vô thức. Vì vậy, ngữ pháp là không thể thiếu đối với người học.

2.1. Định nghĩa sơ đồ tư duy

Sơ đồ tư duy là cách ghi chú sử dụng hình ảnh, đường nét, màu sắc để tô màu cho bài viết với tư duy tích cực. Nó là một sơ đồ mở, vì vậy bạn có thể thêm nhiều hoặc bớt các nhánh và mỗi người dùng thiết kế nó theo một phong cách khác nhau, sử dụng màu sắc, hình ảnh và cách diễn đạt. Như vậy, sơ đồ tư duy phát huy tối đa khả năng sáng tạo của mỗi người. Theo Tony Buzan, cha đẻ của kỹ thuật sơ đồ tư duy, “một hình ảnh đáng giá hơn ngàn lời nói” và “màu sắc có tác dụng kích thích não bộ giống như hình ảnh. Màu sắc mang đến cho thiết kế đồ họa một sự rung động cộng hưởng, mang lại sức sống và năng lượng vô tận cho tư duy sáng tạo.”. (Buzan, 2018) cũng cho rằng bản đồ tư duy là một công cụ năng động, hấp dẫn giúp bạn suy nghĩ và lập kế hoạch nhanh hơn, hiệu quả hơn. Sơ đồ tư duy là một bước đột phá để khai thác nguồn tài nguyên vô tận của bộ não, giúp bạn đưa ra quyết định đúng đắn và thấu hiểu cảm xúc của mình. Sơ đồ tư duy giúp chúng ta lên kế hoạch cho mọi khía cạnh của cuộc sống một cách tự tin. Nó là một công cụ để giao tiếp, giải quyết vấn đề, trí tưởng tượng sáng tạo, giảng dạy, luyện thi, quản lý thời gian và ghi nhớ. Bản thân sơ đồ tư duy cũng có thể coi là tác phẩm nghệ thuật.

Hình 1. Một ví dụ về Sơ đồ tư duy của một điểm ngữ pháp

2.2. Khả năng ứng dụng sơ đồ tư duy trong dạy học ngữ pháp tiếng Anh

Một trong 99 lĩnh vực mà (Buzan, 2018) cho rằng bản đồ tư duy có thể hiệu quả trong giáo dục là việc dạy và học Ngữ pháp ngôn ngữ. Để mô tả các từ khóa, Buzan đã sử dụng một cấu trúc giống như cây xuyên tâm, nhiều màu sắc để thể hiện khái niệm của mình về cây bức xạ. Mặc dù chương trình “thông thường” buộc người đọc phải quét từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, nhưng ông lập luận rằng người đọc xem xét toàn bộ trang theo kiểu phi tuyến tính. Ý tưởng chung về chức năng bán cầu não cũng được sử dụng trong phương pháp của Buzan để giải thích tác dụng của bản đồ tư duy đã được chứng minh đối với các hình thức ghi chép khác.

Theo Buzan, việc tạo sơ đồ tư duy yêu cầu học sinh sử dụng cả hai bán cầu não, dẫn đến năng suất và khả năng ghi nhớ tăng lên. Sức hấp dẫn trực quan tuyệt vời của bản đồ tư duy có thể đẩy nhanh quá trình học tập và hỗ trợ học sinh ghi nhớ và truy xuất thông tin thành công hơn. Buzan lưu ý: “Bản đồ tư duy càng được cá nhân hóa, học sinh càng dễ dàng ghi nhớ tài liệu”. Khi học ngữ pháp, chúng ta phải sử dụng cả kỹ năng viết và đọc để phân tích cấu trúc của văn bản. Sử dụng phương pháp Sơ đồ tư duy trong ngữ pháp có thể giúp học sinh học, sắp xếp và lưu trữ kiến thức trong não, điều này sẽ cải thiện khả năng viết và đọc của họ. Để cung cấp ngữ cảnh, ký hiệu, ngôn ngữ, màu sắc, hình ảnh, liên kết và tệp đính kèm có thể được sử dụng để minh họa thông tin. Trên thực tế, không học sinh nào nản lòng nếu không nắm được cấu trúc nội dung ngữ pháp. Theo nghĩa này, bản đồ tư duy có thể giúp học sinh đối phó với các cấu trúc phức tạp và các điểm ngữ pháp với các giải thích dài dòng, khó hiểu.

Theo Boyson (2009), giáo viên hoặc giảng viên có thể sử dụng bản đồ tư duy để tổ chức các bài học hoặc buổi đào tạo vì nó giúp họ phát triển một kế hoạch hoặc lộ trình giảng dạy hợp lý và tăng khả năng ghi nhớ nội dung chủ đề. D'Antoni và Pinto Zipp (2005) ủng hộ việc giảng viên nên sử dụng Sơ đồ Tư duy trong chương trình giảng dạy của họ vì nó đơn giản để sử dụng và không yêu cầu bất kỳ tài nguyên bổ sung nào để thực hiện. Điều này có khả năng làm tăng sự tự tin trong giảng dạy đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động liên mạch của các chương trình. Goodnough và Long (2002) đã phát hiện ra rằng việc sử dụng Bản đồ Tư duy có thể là một phương pháp hiệu quả để dạy và học các khái niệm mới, mang lại sự tập trung cho cả lớp cho một dự án nghiên cứu lớn, đánh giá quá trình học tập của từng cá nhân và mang lại sự linh hoạt hơn trong cách mọi người hoàn thành bài tập và dự án.

2.3. Ưu và nhược điểm của sơ đồ tư duy

Theo (Buzan, 2018), một số ưu điểm của sơ đồ tư duy là (i) Dễ nhìn, dễ viết, (ii) Kích thích hứng thú học tập và sáng tạo của học sinh, (iii) Khai thác tối đa tiềm năng ghi nhớ của não bộ và (iiii) Luyện cách xác định chủ đề và phát triển ý chính, ý phụ một cách logic. Cụ thể, với sự thể hiện gần gũi về cách thức hoạt động của bộ não, bản đồ tư duy có thể được sử dụng để:

1. Lưu ý: Khi thông tin được khơi gợi, bản đồ tư duy giúp sắp xếp thông tin dưới dạng dễ xuất hiện và dễ nhớ. Được sử dụng để ghi chép các loại như sách, bài giảng, cuộc họp, phỏng vấn và hội thoại.

2. Nhớ lại (Flashback): Bất cứ khi nào thông tin đến từ bộ não, sơ đồ tư duy cho phép các ý tưởng được ghi lại rất nhanh ngay khi nó được sinh ra trong một hệ thống có tổ chức. Vì vậy, không cần phải viết cả câu. Nó phục vụ như một phương tiện khái quát hóa nhanh chóng và hiệu quả và do đó có thể giữ cho các đoạn hồi tưởng rất ngắn gọn.

3. Tính sáng tạo: Bất cứ khi nào bạn muốn khuyến khích tính sáng tạo, sơ đồ tư duy sẽ giúp bạn giải phóng lối suy luận kinh điển theo dòng thực tế, cho phép những ý tưởng mới nảy sinh, nhanh chóng theo dòng suy nghĩ xuất hiện.

4. Giải quyết vấn đề: Khi bạn gặp khó khăn với một vấn đề, bản đồ tư duy có thể giúp bạn nhìn ra tất cả các vấn đề và cách liên kết chúng lại với nhau. Nó cũng giúp bạn có cái nhìn tổng thể về những góc độ bạn có thể nhìn nhận vấn đề và tầm quan trọng của nó.

5. Lập kế hoạch: Khi bạn cần lập kế hoạch, sơ đồ tư duy sẽ giúp bạn có được tất cả các thông tin liên quan ở một nơi và sắp xếp nó một cách đơn giản. Dù loại kế hoạch từ viết một bức thư đến kịch bản, cuốn sách hay lên kế hoạch cho một cuộc họp, một ngày nghỉ.

6. Trình bày: Khi nói, chúng ta luôn chuẩn bị tốt một sơ đồ tư duy về một chủ đề và cách diễn đạt. Nó không chỉ giúp chúng ta sắp xếp các ý một cách logic, dễ hiểu mà còn giúp chúng ta trình bày mà không cần nhìn vào biên bản có sẵn.

Giống như bất kỳ công cụ hay phương pháp nào khác, bản đồ tư duy cũng có những hạn chế nhất định. Nhược điểm của bản đồ tư duy là gì? (i) Có thể sẽ khó khăn đối với những người có tư duy logic rất cao vì những người này khó tin vào khía cạnh trực giác, (ii) có thể mất thời gian để tạo sơ đồ tư duy. Vì vậy, người vẽ nên ghi nhớ một số lời khuyên trước khi lập bản đồ tư duy:

* Không nên: Ghi chú toàn bộ đoạn văn dài; Ghi chép quá nhiều những chuyện lặt vặt không cần thiết; Dành quá nhiều thời gian để ghi chép;

* Nên: Nghĩ trước khi viết; Viết ngắn gọn; Tổ chức các ý chính; Để lại một khoảng trống để thêm ý tưởng nếu cần sau này.

2.4. Các bước chính để tạo và sử dụng sơ đồ tư duy

2.4.1 Cách tạo sơ đồ tư duy

Một bản đồ tư duy cho thấy các kết nối giữa các ý tưởng. Thông tin chính nằm ở trung tâm của bản đồ, trong khi thông tin phụ tỏa ra bên ngoài, theo (Murley, 2007). Dưới đây là các bước để phát triển Bản đồ tư duy, cả hai đều hữu ích cho bản vẽ tay và kỹ thuật số.

Bước 1. Phát triển ý tưởng trung tâm

Ý tưởng phản biện hoặc ý tưởng chính là điểm bắt đầu của bản đồ tư duy và phản ánh chủ đề được khám phá.

Bước 2. Thêm nhiều chi nhánh

Các nhánh chính bắt nguồn từ hình ảnh trung tâm là các chủ đề quan trọng, mỗi chủ đề có thể được khám phá sâu hơn bằng cách thêm các nhánh phụ.

Bước 3. Thêm từ khóa

Khi thêm một nhánh vào bản đồ tư duy của bạn, bạn cũng phải thêm một ý nghĩ cốt lõi. Nên sử dụng những từ khóa kích thích trí não và giúp ghi nhớ nhanh.

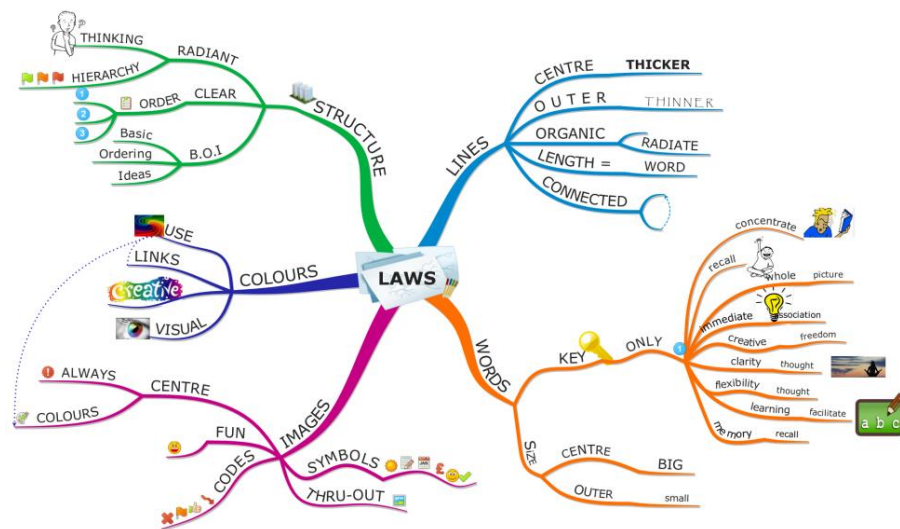
Bước 4. Tô màu cho nhánh

Hình dung màu sắc giúp bộ não của bạn tạo ra các phím tắt. Điều này cho phép phân loại, đánh dấu, phân tích và khám phá các liên kết chưa được báo cáo trước đó.

Bước 5. Thêm hình ảnh

Hình ảnh có thể truyền tải nhiều thông tin hơn từ ngữ, câu hoặc đoạn văn. Bộ não xử lý chúng ngay lập tức và sử dụng chúng để nhớ lại thông tin.

Bản đồ tư duy của Buzan tuân theo một loạt các quy tắc (Hình 1) cho phép bộ não hoạt động với công suất cao nhất.



Hình 2 : Luật vẽ sơ đồ tư duy
(Nguồn: Bài thuyết trình giới thiệu sơ đồ tư duy)

2.4.2 Cách đọc sơ đồ tư duy

Bản đồ tư duy chỉ đơn giản là một biểu diễn trực quan của các phác thảo văn bản có thứ bậc. Người đọc nên quét sơ đồ tư duy từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, toàn bộ trang theo kiểu phi tuyến tính và đây là quy trình 8 bước được đề xuất để đọc và diễn giải sơ đồ tư duy:

1. Xem chủ đề trọng tâm. Chủ đề chung của sơ đồ tư duy này là gì?
2. Bắt đầu từ 12 giờ (chính giữa trên cùng) và di chuyển theo chiều kim đồng hồ, chỉ đọc các chủ đề cấp 1. Phạm vi thông tin cấp cao mà sơ đồ tư duy này bao gồm là gì?
3. Tiếp theo, hãy đi sâu vào các cấp độ thấp hơn của sơ đồ tư duy. Bắt đầu với chủ đề đầu tiên ở trên cùng bên phải của bản đồ. Xem lại từng nhóm chủ đề phụ và cố gắng phân biệt tác giả của bản đồ đang muốn nói điều gì.

4. Lặp lại quy trình này cho các chủ đề cấp 1 khác, lấy từng chủ đề theo thứ tự xuất hiện.
5. Xem lại phần chú thích của bản đồ (nếu có) để người đọc hiểu ý của tác giả đối với từng loại ký hiệu, biểu tượng được sử dụng trong bản đồ tư duy.
6. Theo dõi bất kỳ đường quan hệ nào và cố gắng hiểu hai chủ đề được liên kết có liên quan như thế nào.
7. Đọc bất kỳ ghi chú, tệp đính kèm và liên kết nào liên quan đến chủ đề của sơ đồ tư duy này.
8. Quay lại chế độ xem cấp cao của bạn về sơ đồ tư duy. Thông điệp tổng thể của tác giả là gì? Tác giả đang cố gắng truyền đạt điều gì thông qua sơ đồ tư duy này?

3. Động lực

3.1. Định nghĩa của động lực

Thuật ngữ “động lực” đã được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau trong các nghiên cứu khác nhau. Gardner (1985: 20) đề xuất rằng: “Động lực bao gồm bốn khía cạnh, mục tiêu, hành vi nỗ lực, mong muốn đạt được mục tiêu và thái độ thuận lợi đối với hoạt động được đề cập”. Williams & Burden (1997: 41) cho rằng: “Động cơ là một giai đoạn kích thích nhận thức và cảm xúc, một trạng thái dẫn đến một quyết định hành động có ý thức và tạo ra một giai đoạn nỗ lực trí tuệ và/hoặc thể chất bền vững”. Đặc biệt, điều này đã được nhiều nhà nghiên cứu trước đây công bố.

Theo (Maehr & Meyer, 1997), động cơ là một cấu trúc lý thuyết giải thích sự bắt đầu, phương hướng, cường độ, sự bền bỉ và chất lượng của hoạt động, đặc biệt là hành vi hướng đến mục tiêu. Cấu trúc giả thuyết được sử dụng để mô tả lý do tại sao mọi người làm những gì họ đang làm là động lực. Mục tiêu (mục tiêu tức thời của chuỗi hành vi cụ thể) và chiến lược (phương pháp được sử dụng để đạt được mục tiêu và thỏa mãn động cơ) là những cấu trúc có liên quan đến động lực. Ví dụ, một người có thể phản ứng với cơn khát (động lực) bằng cách mở tủ lạnh để lấy một ít nước (chiến lược) để uống (mục tiêu). Động cơ cũng được định nghĩa là những nhu cầu hoặc mong muốn tương đối chung thúc đẩy mọi người thực hiện các hoạt động cụ thể. Mặt khác, các mục tiêu chính xác hơn và được sử dụng để mô tả hướng và chất lượng của chuỗi hành động trong các tình huống cụ thể (Elliot & Thrash, 2001).

Huỳnh Văn Sơn (2010, tr. 58) định nghĩa về động cơ như đã nói trong Ashley, J. (2019): “Động cơ là một thái độ nhất định của một cá nhân đối với những đối tượng nhất định trong cuộc sống mang lại niềm vui cho cá nhân đó trong hành động”. Theo các định nghĩa trên, động cơ được định nghĩa là một thái độ và hành vi tích cực trong việc theo đuổi một mục tiêu, và thái độ hoặc sự quan tâm của họ bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố.

Thái độ là một cách ổn định mà một cá nhân suy nghĩ hoặc cảm nhận về một cái gì đó. Decker (2010, p.108) đã chỉ ra rằng: “Thái độ tích cực được kết nối với các đối tượng cụ thể của nhu cầu cũng như với các phương tiện giúp chúng ta thỏa mãn nhu cầu đó. Ngược lại, mối quan hệ với những người hoặc đối tượng ngăn cản chúng ta thỏa mãn nhu cầu sẽ

dẫn đến sự phát triển của thái độ tiêu cực”. Tuyên bố này được đưa ra dựa trên quan điểm của Gardner vào năm 1985. Đó là bởi vì thái độ bắt nguồn từ những gì chúng ta muốn. Do đó, khi chúng ta muốn điều gì đó, chúng ta đưa ra một thái độ tích cực để giúp chúng ta đạt được điều đó và một thái độ tiêu cực để ngăn cản chúng ta đạt được điều đó. Thái độ xuất hiện trong quá trình thỏa mãn nhu cầu của chúng ta.

Như đã đề cập ở trên, nhiều nhà nghiên cứu đã đưa ra các định nghĩa khác nhau về động cơ thúc đẩy. Trong nghiên cứu này, tác giả nhất quán với định nghĩa của Gardner (1985) về động cơ học tập với hai chiều là thái độ và hành vi của học sinh trong giờ học ngữ pháp tiếng Anh.

323. Động lực học ngoại ngữ

Một số nghiên cứu đã chứng minh mối liên hệ có lợi giữa động lực của học sinh và năng lực học ngôn ngữ. Những học sinh có động lực hơn sẽ thể hiện tốt hơn trong các kỳ thi tiếng Anh và sẽ đạt trình độ cao hơn ở cả bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết. (Gardner & Lambert, 1972) là những người đầu tiên chứng minh mối liên hệ này thông qua nghiên cứu tại một số lớp học tiếng Pháp ở Canada. (Lukmani, 1972) đã chứng minh mối liên hệ này giữa các học sinh Bombay học tiếng Anh. Gardner (1985: 69) nhận xét: “Thành tích học ngoại ngữ bị ảnh hưởng bởi động cơ. Giả sử rằng một động cơ tích hợp thúc đẩy thành tích học ngoại ngữ không ngụ ý rằng đây là nguyên nhân hay yếu tố dự đoán duy nhất.”

Bên cạnh những nghiên cứu về tác động của động cơ đối với việc học ngoại ngữ, nhiều nghiên cứu sau này cho thấy việc học thành công có thể thúc đẩy động cơ học tập. Smythe (1991: 88) đã viết: “Mối liên hệ chặt chẽ giữa động lực và học tập tốt cho thấy vai trò quan trọng của động cơ trong lớp học, cho dù người học có được nó hay có được nó thông qua trải nghiệm trong lớp học”.

4. Phương pháp nghiên cứu của đề tài

Tôi đã sử dụng phương pháp hỗn hợp (Mixed method) cho đề tài nghiên cứu này. Tôi đã sử dụng thiết kế thăm dò của Creswell et al. (2008), bao gồm quan sát lớp học, bảng câu hỏi và phỏng vấn để thu thập dữ liệu định tính và định lượng. Tashakkori và Creswell (2007, trang 4) đưa ra định nghĩa về phương pháp hỗn hợp: “nghiên cứu trong đó điều tra viên thu thập và phân tích dữ liệu, tích hợp các phát hiện và rút ra kết luận bằng cách sử dụng cả phương pháp định tính và định lượng trong một nghiên cứu hoặc chương trình điều tra. .” Khi tôi thực hiện nghiên cứu này, tôi muốn điều tra các câu hỏi nghiên cứu như đã đề xuất ở trên. Dữ liệu định lượng có thể cung cấp cho nhà nghiên cứu một cơ sở dữ liệu số lớn và dữ liệu định tính cung cấp dữ liệu theo ngữ cảnh phong phú hơn, rất quan trọng để hiểu đầy đủ hơn. Sử dụng cả hai cách tiếp cận một cách thành thạo và có trách nhiệm sẽ mang lại lợi ích tốt nhất có thể khi cố gắng rút ra kết luận từ dữ liệu.

Theo (Patton, 2002), ưu điểm của phương pháp định lượng là nó có thể đo lường câu trả lời của nhiều người đối với một tập hợp câu hỏi hạn chế, do đó tạo thuận lợi cho việc so sánh và tổng hợp dữ liệu thống kê. Điều này mang lại một loạt các phát hiện có thể khái quát

hóa, được trình bày ngắn gọn và súc tích. Tuy nhiên, như O'Malley et al. (1990: 94) đã nêu các phương pháp định lượng như bảng câu hỏi “không cung cấp được độ sâu của thông tin thu được trong các cuộc phỏng vấn”. Mặt khác, các phương pháp định tính tạo ra thông tin chi tiết hơn về số lượng người và trường hợp nhỏ hơn nhiều. Điều này làm tăng sự hiểu biết sâu sắc về các trường hợp và tình huống được nghiên cứu nhưng lại làm giảm khả năng khái quát hóa (Patton, 2002).

Vì vậy, trong đề tài nghiên cứu này, cả hai phương pháp định lượng và định tính đều được sử dụng để giúp người nghiên cứu hiểu sâu hơn về cách sơ đồ tư duy thúc đẩy và thu hút học sinh trong các bài học ngữ pháp. Dữ liệu được thu thập liên tiếp và chúng được phân tích mô tả sau khi tất cả dữ liệu đã được thu thập. Dữ liệu định tính và định lượng trong nghiên cứu này có tầm quan trọng như nhau. Nhà nghiên cứu hy vọng rằng kết quả nghiên cứu sẽ có giá trị và đáng tin cậy hơn với nhiều quy trình thu thập dữ liệu.

4.1. Công cụ thu thập dữ liệu

Nghiên cứu này sử dụng ba công cụ để thu thập dữ liệu, cụ thể là quan sát lớp học, bảng câu hỏi khảo sát và phỏng vấn bán cấu trúc.

4.2. Quan sát lớp

Danh sách kiểm tra quan sát lớp học với ba thành phần chính (i) thái độ của học sinh đối với việc học bằng sơ đồ tư duy, (ii) sự tương tác của học sinh trong các bài học và (iii) bầu không khí lớp học được điều chỉnh từ (Torres et al., 2017). Bảng kiểm cũng được xây dựng theo thang đo Likert từ 1 – 5 (rất đồng ý đến rất không đồng ý), bao gồm 6 nội dung để đánh giá: 1) chú ý đến quá trình học tập, 2) Thái độ tích cực đối với mục tiêu kiến thức được cung cấp, 3) Tích cực tham gia các hoạt động, 4) Sự tham gia của học sinh trong việc tạo sơ đồ tư duy Ngữ pháp, 5) Có môi trường học tập kích thích, và 6) Có sự hợp tác giữa các học sinh. Nhà nghiên cứu đã cho hai người quan sát tham dự ba bài học ngữ pháp diễn ra như thế nào trong lớp học. Danh sách kiểm tra được sử dụng để thu thập dữ liệu về các hoạt động hoặc nhiệm vụ do giáo viên thiết lập và sự tương tác giữa các học sinh trong lớp khi giáo viên thực hiện các hoạt động hoặc nhiệm vụ này.

4.3. Bảng câu hỏi khảo sát

Khảo sát dường như rất phổ biến trong giới nghiên cứu giáo dục nói chung và nghiên cứu về Giảng dạy tiếng Anh nói riêng. (Dornyei, 2010) tin rằng bảng câu hỏi đặc biệt có giá trị vì chúng hiệu quả về mặt “thời gian của nhà nghiên cứu”, “nỗ lực của nhà nghiên cứu” và “nguồn tài chính”. Các quy tắc được cung cấp bởi (Melville & Goddard, 1996) để tổ chức một bảng câu hỏi phù hợp là “Một bảng câu hỏi phù hợp phải bao gồm các câu hỏi rõ ràng và dễ hiểu, đồng thời bao gồm phần lớn các câu hỏi đóng với thang điểm bốn để tránh bỏ dở giữa chừng. Sau khi nghiên cứu cẩn thận các bảng câu hỏi về động lực của Dörnyei, 20 phát biểu theo thang đo Likert năm điểm đã được hình thành. Các mục từ “rất không đồng ý” (1 điểm) đến “rất đồng ý” (5 điểm). Có nghĩa là thang 1 biểu thị mức động lực thấp nhất

trong khi thang 5 biểu thị mức động lực cao nhất. Điểm của học sinh càng cao thì mức độ hứng thú học Ngữ pháp càng cao.

Tôi đã phát bảng câu hỏi qua Google form việc này giúp tôi thu thập dữ liệu dễ dàng và nhanh chóng. Bảng câu hỏi được sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm hai phần. Phần một nhằm thu thập thông tin cá nhân của người tham gia như giới tính, thời điểm bắt đầu học tiếng Anh, thái độ của họ đối với việc học ngữ pháp tiếng Anh. Ở phần hai, nhà tôi đo lường mức độ động cơ của học sinh khi học các bài ngữ pháp có áp dụng sơ đồ tư duy. Thang đo Likert được sử dụng để đo lường các câu trả lời. Các mục của bảng câu hỏi được đánh giá theo thang điểm từ rất tích cực đến rất tiêu cực. Thang điểm 5 sau đây được người trả lời sử dụng để trả lời những câu hỏi này. Dữ liệu định lượng từ bảng câu hỏi dưới dạng thang đo Likert được thu thập để phân tích.

4.4. Phỏng vấn

Để đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy của dữ liệu, tôi đã lấy mẫu ngẫu nhiên có hệ thống kết hợp với lấy mẫu nhiều pha (Acharya et al., 2013). Nghĩa là sau khi có kết quả học tập, học sinh được chia thành 3 nhóm dựa trên kết quả học tập (Nhóm 1: Trung bình; Nhóm 2: Khá; Nhóm 3: Giỏi), và tên học sinh trong mỗi nhóm được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt. Bước tiếp theo, người được phỏng vấn được chọn dựa trên chọn mẫu ngẫu nhiên có hệ thống.

Để có được một cái nhìn toàn diện về động cơ lập sơ đồ tư duy trong việc học Ngữ pháp tiếng Anh, tám học sinh đã được mời tham gia một cuộc phỏng vấn. Phỏng vấn được tiến hành qua google form sau khi đã hoàn thành tất cả các bài học ngữ pháp. Các cuộc phỏng vấn được thực hiện vào giai đoạn cuối để thuận tiện cho giáo viên và học sinh.

5. Quá trình áp dụng

5.1. Can thiệp sư phạm

Sơ đồ tư duy được áp dụng trong 6 bài ngữ pháp gồm So sánh hơn và so sánh nhất, Mệnh đề quan hệ và Câu tường thuật của Unit 7,8,9 Tiếng Anh 10 Tập 2. Trước khi can thiệp, các em đã được hướng dẫn cách vẽ sơ đồ tư duy và cách đọc vẽ sơ đồ tư duy để đảm bảo hiểu được sơ đồ tư duy. Trong buổi đầu tiên khi dạy điểm ngữ pháp mới, đầu tiên học sinh được yêu cầu làm các bài tập nhỏ. Theo nghĩa này, học sinh có thể nắm được tổng quan về điểm ngữ pháp mà các em sẽ học trong đơn vị bài học. Giáo viên sẽ khơi gợi các quy tắc và hình thức của điểm ngữ pháp này từ học sinh. Sau đó, giáo viên sẽ đưa ra các điểm ngữ pháp bằng sơ đồ tư duy sinh động nhằm giúp học viên khắc sâu kiến thức. Sau đó, học sinh được yêu cầu làm việc theo nhóm để tạo sơ đồ tư duy của riêng mình với sự giúp đỡ của giáo viên và sau đó giáo viên có thể yêu cầu học sinh xung phong trình bày các điểm ngữ pháp dựa trên sơ đồ tư duy của chính họ. Trong các phần “Looking back”, học sinh sẽ được khuyến khích tạo bản đồ tư duy của riêng mình về điểm ngữ pháp mà họ đã học trong bài học trước. Trong quá trình tự lập sơ đồ tư duy, giáo viên cần quan sát và sẵn sàng giúp đỡ

học sinh khi cần thiết. Giáo viên cần nhắc học sinh các quy tắc để vẽ sơ đồ tư duy hiệu quả như phân nhánh, sử dụng màu sắc, từ khóa ngắn gọn, minh họa giàu sức gợi.

Hầu hết học sinh chỉ có thể nhớ một từ khóa cho mỗi điểm kiến thức ngữ pháp. Họ đánh dấu một thuật ngữ chính trên sơ đồ tư duy. Bằng cách này, các từ khóa được ghi nhớ tốt hơn. Vẽ sơ đồ tư duy tự nhiên đã tạo ra một cách tiếp cận tư duy tốt. Bản đồ tư duy không chỉ giúp học sinh học tập nhiều hơn mà còn phát triển kỹ năng tư duy tích cực và hiểu kiến thức tốt hơn. Thực tế cho thấy, nhiều học sinh có năng khiếu vẽ cảm thấy thích thú khi vận dụng khả năng của mình vào học tập.

5.2. Giáo án

Tôi đã tiến hành sáu bài học ngữ pháp cho hai lớp học, mỗi bài học đều bao gồm bản đồ tư duy như một phần không thể thiếu. Trong mỗi bài học ngữ pháp, học sinh (cá nhân hoặc theo nhóm) được yêu cầu tạo bản đồ tư duy của mình để minh họa các quy tắc ngữ pháp. Trong buổi đầu tiên của giai đoạn can thiệp sư phạm, tôi đã hướng dẫn sinh viên cách lập sơ đồ tư duy để các em làm quen với cách tiếp cận và có thể tự lập sơ đồ tư duy cho các điểm ngữ pháp tiếp theo. Ngoài ra, trong buổi học đầu tiên khi học sinh học điểm ngữ pháp mới, tôi thường áp dụng chiến lược học quy nạp rõ ràng (tức là khám phá các mẫu và quy tắc trên cơ sở dữ liệu đầu vào), chẳng hạn như tham gia thảo luận khám phá quy tắc trong lớp, tạo và kiểm tra các giả thuyết về cách thức hoạt động của các cấu trúc mục tiêu, thử nghiệm với các bạn thông thạo hơn xem một số quy tắc nhất định được diễn giải như thế nào là đúng hay sai,... Nhờ vậy, nhiều hoạt động cũng như bài tập nhỏ đã giúp học sinh nắm được cấu trúc và cách sử dụng ngữ pháp trong bài. Bước tiếp theo, học sinh sẽ được yêu cầu thành lập các nhóm từ 4 đến 6 học sinh, nhớ lại các điểm ngữ pháp và vẽ sơ đồ tư duy về ngữ pháp đó trong thời gian giới hạn từ 8 đến 10 phút. Giáo viên quan sát và gợi ý cho học sinh về cách chia khổ giấy, phân nhánh, sử dụng màu sắc, rút gọn từ khóa hay vẽ thêm các ký hiệu gợi nhớ. Trong giai đoạn này, học sinh nên sử dụng giấy khổ lớn hoặc bảng nhỏ để dễ làm việc nhóm. Đôi khi, học sinh được đề xuất sử dụng phần mềm *coggle.it*. Phần mềm này cho phép nhiều học sinh cùng lúc tham gia vẽ sơ đồ tư duy và cùng nhau thảo luận trong nhóm học trực tuyến trên ứng dụng Microsoft Teams. Trong buổi học thứ hai của cùng một chủ điểm ngữ pháp, thông thường học sinh đã có thời gian củng cố lại nội dung kiến thức và các điểm ngữ pháp của chủ đề đó. Học sinh được khuyến khích nhớ lại các quy tắc ngữ pháp và tạo bản đồ tư duy ngữ pháp theo nhóm hoặc cá nhân. Trong tiết học này, học sinh đã có thể độc lập vẽ sơ đồ tư duy. Học sinh nên đặt vở theo chiều ngang và vẽ trực tiếp vào vở, điều này giúp học sinh lưu giữ sơ đồ ngữ pháp trong thời gian dài để xem lại sau này. Hoặc học sinh cũng có thể sử dụng các ứng dụng sơ đồ tư duy số giúp tiết kiệm thời gian, nhất là đối với những học sinh không có năng khiếu về vẽ. Sau đó giáo viên sẽ có thời gian để kiểm tra và mời các học sinh xung phong trình bày lại ngữ pháp trước lớp. *(Kèm giáo án mẫu phần Phụ Lục)*

5.3. Quan sát lớp

Một danh sách kiểm tra quan sát lớp học đã được điều chỉnh từ (Torres et al., 2017). Bảng kiểm bao gồm 3 nội dung chính là thái độ của sinh viên khi học bằng sơ đồ tư duy trên lớp, tương tác của sinh viên trong giờ học và bầu không khí chung trong lớp. Các danh sách kiểm tra được sử dụng để đánh giá lớp học được can thiệp. Trong các bài học ngữ pháp, hai người quan sát đã quan sát những gì diễn ra trong lớp học và ghi chép sau đó thảo luận và hoàn thành danh sách kiểm tra quan sát của lớp. Chúng được sử dụng để thu thập thông tin về các hoạt động hoặc nhiệm vụ do giáo viên thiết kế, cũng như về sự tương tác giữa các học sinh trong lớp khi giáo viên thực hiện các hoạt động hoặc nhiệm vụ đó.

5.4. Bảng câu hỏi điều tra

Các câu hỏi được phát cho học sinh ở bước cuối cùng trong quy trình thu thập dữ liệu. Chúng đã giúp thu thập thông tin về thái độ và hành vi của học sinh đối với việc sử dụng bản đồ tư duy và những gợi ý của họ để cải thiện động lực của học sinh trong các bài học ngữ pháp.

Bảng câu hỏi được thiết kế bằng tiếng Anh và tiếng Việt và được phát cho 92 học sinh của hai lớp vào cuối giai đoạn can thiệp sư phạm. Tại thời điểm thu thập dữ liệu, học sinh đã học hết các phần Ngữ pháp trong SGK Tiếng Anh 10 - tập 2. Do đó, các em có cái nhìn rõ ràng nhất về trải nghiệm của mình khi học bằng sơ đồ tư duy. Trước khi học sinh làm phiếu, giáo viên đã giới thiệu sơ qua về mục đích nghiên cứu và hướng dẫn cách hoàn thành phiếu. Sau đó, học sinh có đủ thời gian để hoàn thành bảng câu hỏi và nộp lại.

5.5. Phỏng vấn

Sau khi phân tích dữ liệu thu thập được từ bảng câu hỏi, tám học sinh được chọn ngẫu nhiên dựa trên phương pháp Lấy mẫu ngẫu nhiên có hệ thống kết hợp với Mẫu nhiều giai đoạn (Acharya et al., 2013) để phỏng vấn do giáo viên sắp xếp phù hợp với sự thuận tiện của người được phỏng vấn.

6. Phân tích dữ liệu

Thống kê mô tả đã được sử dụng để phân tích thông tin cơ bản và phản hồi của người tham gia đối với bảng câu hỏi và mức độ chung của năng lực Ngôn ngữ. Nghiên cứu sử dụng kết quả thu thập được từ google form để phân tích phương tiện, độ lệch chuẩn của tất cả các mục trong bảng câu hỏi. Mức độ động lực thấp, trung bình và cao của những người tham gia được đo lường thông qua các lựa chọn của họ để trả lời các câu hỏi loại thang đo Likert. Bảng câu hỏi cho nghiên cứu này bao gồm 20 mục từ “rất không đồng ý” (1 điểm) đến “rất đồng ý” (5 điểm). Khi học sinh trả lời 1) “Hoàn toàn không đồng ý,” họ nhận được 1 điểm, 2) “không đồng ý” là hai điểm; 3) “không đồng ý cũng không phản đối” là ba điểm; 4) “đồng ý” là 4 điểm, và 5) “rất đồng ý” là 5 điểm. Tổng điểm càng cao, học sinh càng tham gia nhiều hơn.

Các câu hỏi khảo sát tập trung vào việc tìm hiểu quan điểm của sinh viên về việc sơ đồ tư duy có thực sự kích thích sinh viên học tập và hợp tác hay không, sinh viên có hứng thú với

bài học ngữ pháp và tham gia tích cực vào quá trình học tập thông qua hai biểu hiện là hứng thú và hành vi của sinh viên trong giờ học ngữ pháp hay không. Các câu hỏi khảo sát được chia làm 2 phần chính: Phần 1 gồm 11 câu thể hiện thái độ của học sinh đối với bài học ngữ pháp thông qua sơ đồ tư duy và cảm nhận của học sinh đối với bài học. Học ngữ pháp qua sơ đồ tư duy, ưu điểm của sơ đồ tư duy trong việc giúp học sinh nhớ lâu các quy tắc ngữ pháp nhằm chán. Phần 2 gồm 9 câu về hành vi của học sinh thể hiện thái độ học tập của học sinh, sự tham gia tích cực của học sinh vào các hoạt động học tập. Những nhận định trong phần này đã giúp tôi có cái nhìn rõ ràng nhất về tác động của sơ đồ tư duy đến thái độ học tập của sinh viên.

Dữ liệu từ dự giờ trên lớp và phỏng vấn sau đó được sao chép và phân tích định tính để giúp tôi hiểu sâu hơn về các yếu tố quan trọng giúp thúc đẩy học sinh học tập.

Các cuộc phỏng vấn tuy chỉ được thực hiện với 8,7% học sinh nhưng cũng đã góp phần khẳng định vai trò của sơ đồ tư duy trong việc kích thích học sinh học ngữ pháp tiếng Anh một cách chủ động.

7. Kết quả của đề tài

7.1 Thông tin cơ bản và tổng quan về việc học ngữ pháp tiếng Anh của học sinh

Đầu tiên và quan trọng nhất, khi khám phá kết quả của cuộc khảo sát, các nhà nghiên cứu nên xem xét nền tảng của những người tham gia khảo sát. Khảo sát của tôi tại đây bao gồm 92 mẫu, trong đó 70% là nữ. Hầu hết những học sinh này bắt đầu học tiếng Anh từ khá sớm (8 tuổi) - chiếm 76%. 22 học sinh còn lại cho biết đến năm lớp 6 các em mới bắt đầu học tiếng Anh.

Về cảm nhận đối với Ngữ pháp tiếng Anh, 50% cho rằng đây là phần khó nhất hoặc coi đây là kỹ năng khó tương đương với các kỹ năng khác. Chỉ một số ít học sinh tham gia khảo sát cho rằng đây là kỹ năng dễ học nhất (dưới 7%). Trong số 92 mẫu khảo sát, gần 70% cho biết họ thích Ngữ pháp tiếng Anh được trình bày thú vị (bằng sơ đồ tư duy) hơn là cách học truyền thống.

Khi được hỏi về khả năng ghi nhớ cấu trúc và quy tắc của Grammar English, gần 70% học sinh cho biết đây là một nhiệm vụ rất khó đối với họ. Bên cạnh đó, 12% đánh giá đây là bài không khó và chỉ 5% cho rằng rất dễ nhớ cấu trúc và quy tắc của Ngữ pháp tiếng Anh.

7.2 Quan sát lớp từ giáo viên

Bên cạnh những phân tích lý thuyết và kết quả khảo sát, phỏng vấn, cần xem xét kết quả thực tiễn về hiệu quả của việc sử dụng sơ đồ tư duy trong dạy học học sinh phổ thông. Nhóm quan sát viên đã tham gia trên lớp 6 lần với 3 chủ đề của 3 Unit lần lượt là Unit 7; Unit 8 và Unit 9. Ở mỗi Unit, giáo viên dạy hai chủ đề khác nhau: Một buổi truyền đạt kiến thức mới liên quan đến chủ đề của Unit; phần còn lại là phần để học sinh ôn lại những gì đã học được qua bài học đó. Cụ thể, nhóm đánh giá viên đã xem xét ba khía cạnh sau: thái độ của học sinh, sự tương tác của họ và bầu không khí của lớp học.

Đầu tiên, khi nói đến thái độ của học sinh, sự chú ý trong quá trình học tập là một yếu tố quan trọng. Ở Unit 7, có nội dung về Đa dạng văn hóa, điểm ngữ pháp là So sánh, học sinh được đánh giá ở mức 4 trên 5 trong bài học ngôn ngữ, thậm chí đạt mức tối đa trong bài đánh giá. Đến Unit 8 dạy Mệnh đề quan hệ, yếu tố này được đánh giá hai lần và cả hai đều đạt điểm tối đa. Cuối cùng, người quan sát thống nhất cho điểm 4/5 cho cả 2 bài trong Unit 9. Bên cạnh đó, một yếu tố đáng chú ý khác được chấm 5/5 trong 2 buổi đầu tiên chính là sự gắn kết của học sinh với mục đích kiến thức được cung cấp. Ở hai đơn vị sau, ban giám khảo đều đồng tình và rất đồng tình với sự nhiệt tình của học sinh.

Sau khi đánh giá quan điểm của học sinh, chúng ta cần đánh giá thêm mức độ đáp ứng của các em, cụ thể trong trường hợp này là sự tích cực tham gia các hoạt động trên lớp và tham gia lập sơ đồ tư duy về ngữ pháp. Kết quả bài ngữ văn ở unit 7 và 8 mang về 2 điểm 4/5 và 2 điểm 5/5. Tuy nhiên, ở phần “Looking back” của 2 đơn vị này, mức độ học sinh phản hồi và tham gia hoạt động cao hơn hẳn và được đánh giá tối đa 2 lần. Ở Unit 9, các em vẫn rất tích cực tham gia các hoạt động, tuy nhiên có vẻ như các em chưa thực sự thể hiện được việc tham gia lập sơ đồ tư duy ngữ pháp ở cả hai bài học, điều này có thể lý giải là do lượng kiến thức ngữ pháp của bài học này còn ít, hơi phức tạp hơn so với 2 đơn vị trước.

Cuối cùng, đối với bầu không khí chung của lớp học, nhóm người quan sát đã cho điểm về sự kích thích của môi trường học tập và sự hợp tác giữa các học sinh. Khi nói đến sự tồn tại của một môi trường học tập đầy hứng khởi, yếu tố này được đánh giá tới 4 bài trên 6 bài, đây là yếu tố thể hiện rõ hiệu quả của việc ứng dụng sơ đồ tư duy trong giờ học tiếng Anh. Đối với yếu tố còn lại - tương tác của sinh viên, ở 2 unit đầu tiên, nhóm đánh giá đã khẳng định sự tồn tại của yếu tố này bằng cách cho 2 bài là 4 và làm tương tự là 5 điểm đơn vị cuối cùng, có vẻ như các em không yên tâm vì yếu tố này không được thể hiện rõ ràng trong buổi học. Nguyên nhân như đã phân tích có thể đến từ việc kiến thức truyền đạt ở bài này tương đối phức tạp đối với học sinh nhưng ở tiết ôn tập, yếu tố này đã trở lại mức tốt vì học sinh đã được giải chi tiết, đọc lại bài và làm bài tập để nắm bắt tốt hơn kiến thức được dạy.

Kết quả phân tích danh sách kiểm tra quan sát cũng cho thấy rằng sự tương tác và thái độ của học sinh trong lớp, cũng như bầu không khí chung trong lớp, luôn thuận lợi. Sau đây là một số phẩm chất đáng chú ý cần lưu ý. Thứ nhất, học sinh chú ý và hiểu các hướng dẫn và các chủ đề được trình bày một cách hiệu quả. Thứ hai, trong khi học sinh làm việc với bản đồ tư duy, chúng cực kỳ hợp tác với giáo viên, miễn là chúng tuân theo chỉ dẫn của giáo viên. Hơn nữa, những học sinh này thể hiện sự nhiệt tình hơn khi tham gia vào các hoạt động nhóm hoặc các cuộc trò chuyện bao gồm cả sơ đồ tư duy. Nói cách khác, học sinh hợp tác với nhau cao. Bên cạnh đó, chúng sẵn sàng đợi người khác bắt đầu hoặc trả lời các câu hỏi do giáo viên của họ đặt ra. Cuối cùng, về bầu không khí trong lớp học, các học sinh tỏ ra rất hứng thú và nhiệt tình với bài học, điều này giải thích tại sao họ hào hứng tham gia vào tất cả các hoạt động và bài tập.

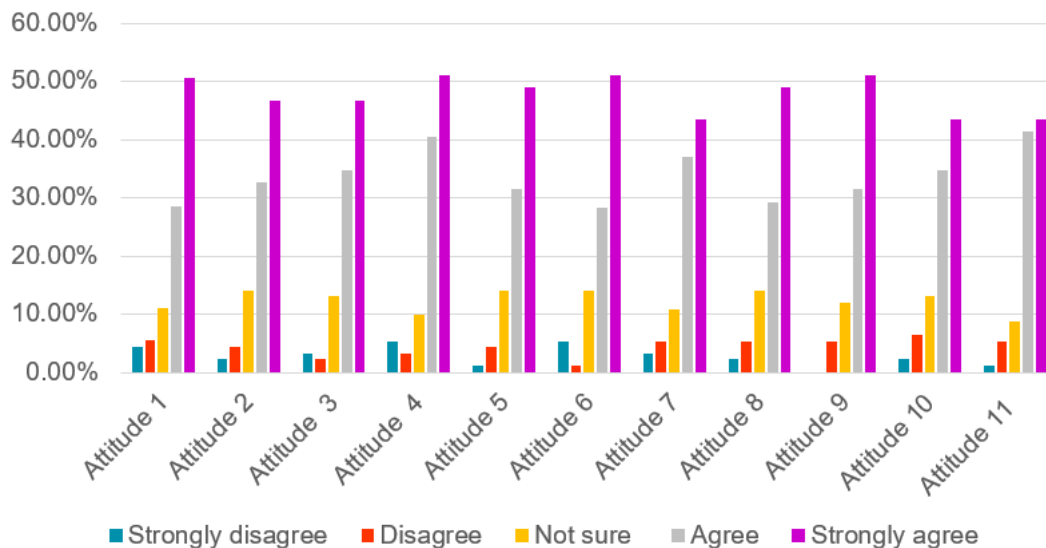
Table 3.1. Class Observation result

Category	Content	Evaluation				
		SD	DA	N	A	SA
Students' attitudes	Attention to the learning process	0	0	0	3/6	3/6
	Positive attitude towards the goal of knowledge provided	0	0	0	2/6	4/6
Student interaction	Actively take part in activities	0	0	0	1/6	5/6
	Involvement of the students in creating Grammar mind maps	0	0	1/6	1/6	4/6
Classroom atmosphere	Existence of stimulating learning environment	0	0	0	1/6	5/6
	Existence of collaboration among students	0	0	0	2/6	4/6

Dựa vào bảng trên, có thể kết luận rằng quá trình dạy-học trên lớp là hiệu quả. Theo đó, có thể nhận thấy rằng giáo viên đã khuyến khích học sinh tích cực và sáng tạo hơn trong lớp học. Giáo viên sử dụng sơ đồ tư duy để cung cấp cho học sinh cái nhìn tổng quát về tài liệu. Tóm lại, sơ đồ tư duy có tác dụng tích cực đối với các lĩnh vực dạy và học ngữ pháp trong chương trình Tiếng Anh lớp 10. Bản đồ tư duy có thể hỗ trợ học sinh duy trì thái độ tích cực trong lớp và có động lực;

7.3. Khảo sát từ học sinh

Thái độ của người học đối với việc sử dụng sơ đồ tư duy



Hình 3. Thái độ của học sinh đối với việc sử dụng sơ đồ tư duy

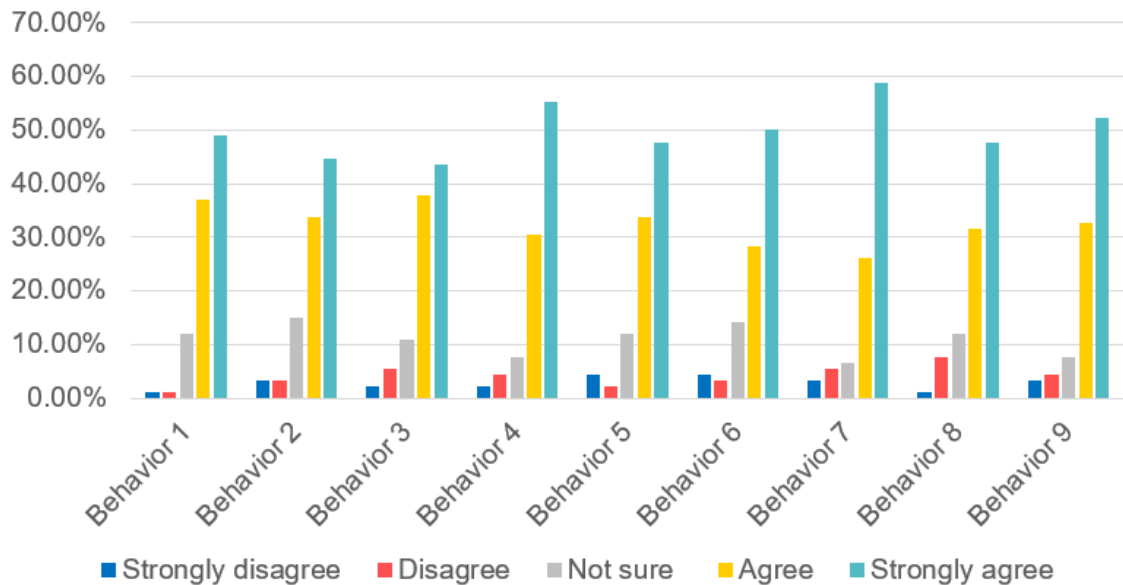
Ngoài ra, tôi cũng khảo sát trải nghiệm của học sinh trong các lớp học tiếng Anh bằng sơ đồ tư duy. Đối với nhận định học dễ và dễ tiếp thu hơn, 50% rất đồng ý và gần 30% đồng ý. Tương tự, gần 50% học sinh hoàn toàn đồng ý rằng các điểm ngữ pháp trở nên rõ ràng

hơn thông qua việc sử dụng sơ đồ tư duy. Số lượng đồng ý cũng chiếm hơn 30%. Kể đến, việc sơ đồ tư duy giúp học sinh tập trung hơn vào bài giảng ngữ pháp tiếng Anh được đa số người tham gia đồng ý và rất đồng tình với thứ tự kết quả lần lượt là 35%, 47%.

Khi được hỏi bản đồ tư duy ảnh hưởng đến không khí lớp học như thế nào, 47 học sinh hoàn toàn đồng ý rằng bản đồ tư duy khiến không khí lớp học trở nên thú vị hơn - chiếm khoảng 51%. Ngoài ra, chỉ có 3 học sinh cảm thấy còn ngỡ ngàng khi tiếp thu những ngữ pháp khó sau khi học bằng sơ đồ tư duy. Ngược lại, 73 học sinh cho biết họ thấy sơ đồ tư duy là một công cụ giúp họ có cái nhìn tổng thể về các điểm ngữ pháp. Về động cơ học tập, bản đồ tư duy được cho là động lực thúc đẩy hơn 80% học sinh hứng thú học tiếng Anh hơn.

Có 45 người tham gia hoàn toàn đồng ý với quan điểm cấu trúc ngữ pháp dài không còn khiến họ mệt mỏi và lo lắng, 27 người khác cũng đồng quan điểm. Đối với việc sắp xếp, phân loại các điểm ngữ pháp hay phát hiện mối quan hệ giữa chúng, sơ đồ tư duy đặc biệt hỗ trợ rất nhiều với số lượng rất đồng ý (67%) và đồng ý (35%). Về cảm nhận của người học khi giáo viên giải thích lý thuyết ngữ pháp mới, 77% cho biết họ cảm thấy bớt lo lắng hơn. Cùng với đó, gần 85% người học cho biết sơ đồ tư duy là công cụ giúp họ ghi chép nhanh và chính xác các lý thuyết ngữ pháp.

Hành vi của người học trong giờ học tiếng Anh sử dụng sơ đồ tư duy



Hình 4. Hành vi của học sinh đối với việc sử dụng sơ đồ tư duy

Các kết quả đều cho thấy tác động tích cực đến hành vi của học sinh trong lớp học. Khi được hỏi về động lực trong lớp học, gần 50% học sinh hoàn toàn đồng ý rằng họ cảm thấy có động lực hơn, 37% cho biết họ cũng đồng ý với ý kiến này. Tương tự như vậy, 45% hoàn toàn đồng ý và 34% đồng ý rằng họ trở thành một thành viên tích cực tự nhiên hơn

trong lớp học với công cụ bản đồ tư duy. Ngoài ra, 75 học sinh đồng ý rằng họ đã cải thiện khả năng hợp tác với các bạn cùng lớp khi tham gia vẽ sơ đồ tư duy.

Một kỹ năng khác mà sơ đồ tư duy cũng giúp học sinh phát huy và cải thiện là kỹ năng ghi chép - 30% đồng ý và 55% rất đồng ý. Bên cạnh các kỹ năng, động lực và nỗ lực học tiếng Anh của học sinh cũng được cải thiện thông qua việc sử dụng sơ đồ tư duy, bằng chứng là chỉ gần 7% phản đối và 12% giữ thái độ trung lập. Việc ghi nhớ các quy tắc và cấu trúc ngữ pháp cũng được thực hiện dễ dàng hơn thông qua việc sử dụng sơ đồ tư duy - 50% học sinh hoàn toàn đồng ý và 28% đồng ý. Bên cạnh đó, rất nhiều học sinh đồng ý rằng sơ đồ tư duy nhiều màu sắc cũng giúp người học hứng thú hơn trong học tập và sáng tạo, gần 60% rất đồng ý trên tổng số 85%. Cuộc khảo sát cho thấy 73 học sinh nghĩ rằng họ tình nguyện tham gia nhiều hơn vào các hoạt động trong lớp học tiếng Anh và 78 trong số 92 học sinh đồng ý rằng kết quả bài kiểm tra của họ đã được cải thiện thông qua việc sử dụng sơ đồ tư duy.

Nhìn chung, qua bảng kết quả bảng câu hỏi khảo sát dưới đây có thể thấy đa số học sinh đồng ý hoặc rất đồng ý với nhận định rằng việc học ngữ pháp tiếng Anh bằng sơ đồ tư duy có tác dụng rất lớn đến thái độ và hành vi của các em trong giờ học ngữ pháp tiếng Anh và đã giúp các em học tập tốt hơn. Ngược lại, rất ít học sinh, thậm chí không có học sinh nào phản đối tác dụng tích cực của việc áp dụng sơ đồ tư duy trong học ngữ pháp tiếng Anh. Tuy nhiên, một số ít sinh viên (từ 6% đến 14,1%) vẫn chưa chắc chắn về điều này.

7.4 Phỏng vấn học sinh

Phỏng vấn được thực hiện với 5 câu hỏi dành cho 8 người. Kết quả khá đa dạng do các đối tượng có trình độ tiếng Anh khác nhau. Với câu hỏi cảm nhận về khả năng tiếng Anh của bản thân: 6 học sinh cho biết trình độ khá, chỉ có 1 học sinh chưa tự tin về khả năng của mình, ngược lại 1 học sinh khác rất tự tin và cho biết thêm về khả năng của mình. Khi được hỏi về ngữ pháp tiếng Anh, 4 học sinh cho biết các em chú trọng ngữ pháp vì nó quan trọng và là yếu tố cốt lõi để phát triển các kỹ năng tiếng Anh, 2 học sinh còn lại cũng cho biết các em chú trọng ngữ pháp vì nó khó. Hai trong số những người được phỏng vấn cũng chia sẻ cách họ thấy ngữ pháp tiếng Anh quan trọng như thế nào trong quá trình học tập của họ. Một người được phỏng vấn nói rằng trước hết, ngữ pháp là nền tảng để bạn ấy hiểu những gì người khác đang nói. Có nhiều người cho rằng chỉ cần nghe người khác nói, xâu chuỗi các từ lại với nhau là có thể hiểu được nội dung. Điều này có thể đúng với những câu thông thường, nhưng nếu đó là những câu phức tạp và có nội dung xâu chuỗi thì tốt hơn nên sử dụng các đại từ quan hệ, đảo ngữ, cấu trúc so sánh, v.v. Họ phải dựa vào ngữ pháp để hiểu người đó muốn nói gì, và ngay cả khi người ấy muốn nói phải dựa vào ngữ pháp để đặt câu và diễn đạt trọn vẹn điều muốn nói. Cuối cùng, một học sinh nói rằng em không muốn tập trung vào ngữ pháp mà tập trung vào cả bốn kỹ năng như nhau, một học sinh khác nhấn mạnh rằng ngữ pháp cũng quan trọng nhưng không nên chỉ tập trung vào nó.

Ý kiến của những học sinh này cũng rất đa dạng khi nói đến sơ đồ tư duy, 6 học sinh đồng tình với ý kiến cho rằng sơ đồ tư duy giúp người học trong việc “Ghi nhớ” hiệu quả hơn. Những người khác nghĩ rằng đây là một công cụ tốt để “học” tiếng Anh. Trong bài phỏng vấn, học sinh 1 cho biết: “Việc sử dụng sơ đồ tư duy là một phương pháp học tập thông minh và hiệu quả nên áp dụng trong học tập” và “Học bằng sơ đồ tư duy giúp em ghi nhớ các hiện tượng ngữ pháp tốt hơn”. Học sinh 3 thừa nhận trong cuộc phỏng vấn của mình rằng bản đồ tư duy kích thích bạn ấy học và giúp anh ấy ghi nhớ các điểm ngữ pháp một cách hiệu quả. Ngoài ra, học sinh 4 còn cho biết thêm, việc áp dụng sơ đồ tư duy trong việc học ngữ pháp tiếng Anh giúp anh ghi nhớ các cấu trúc ngữ pháp dễ dàng hơn mà không cần ghi chép quá nhiều. Thật bất ngờ khi học sinh số 8 chia sẻ trong cuộc phỏng vấn rằng “Sơ đồ tư duy là một kỹ thuật có thể giúp bạn trở thành một người học tiếng Anh hiệu quả hơn. Sơ đồ tư duy trong dạy ngữ pháp tiếng Anh có thể nâng cao hứng thú và hiệu quả học ngữ pháp của học sinh, do đó trở thành một phương pháp dạy học khả thi trong quá trình dạy ngữ pháp. Sơ đồ tư duy trong ngữ pháp tiếng Anh có thể phát huy tính chủ động của học sinh, thúc đẩy hứng thú học tập, hiệu quả học tập và khả năng nắm bắt kiến thức ngữ pháp của học sinh.”. Đó chính là điều mà tôi hướng tới và nó cũng phù hợp với đánh giá của hai quan sát viên về các bài học ứng dụng sơ đồ tư duy trong dạy học ngữ pháp tiếng Anh mà người nghiên cứu thực hiện.

Đối với câu hỏi về nhược điểm của sơ đồ tư duy, tôi nhận được nhiều câu trả lời khác nhau về việc tốn thời gian, tốn giấy, thông tin không đủ chi tiết và 3 câu trả lời khác không đề cập rõ ràng về nhược điểm của phương pháp này. Điều này giúp các em ghi nhớ kiến thức một cách chủ động, sáng tạo và nhớ lâu. Một số cho rằng thông qua thực hành, họ thấy rằng bản đồ tư duy có thể hữu ích trong các môn học khác nhau ở trường. Đây là những gì học sinh 8 đã nói với người phỏng vấn “Tôi không có bất kỳ câu trả lời nào. Bởi vì tôi thích áp dụng sơ đồ tư duy trong việc học Ngữ pháp tiếng Anh”. Đối với việc cải thiện khả năng học tiếng Anh, hầu hết tất cả những người được phỏng vấn đều cho biết ở câu hỏi số 5 rằng sơ đồ tư duy sẽ giúp họ cải thiện kỹ năng học tập. Đa số các em được phỏng vấn đều cho rằng một trong những ứng dụng tuyệt vời của sơ đồ tư duy là giúp các em tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức cho bài học. Học sinh 1 cho biết “Học theo phương pháp này em phải mất một thời gian mới làm quen được nhưng điểm đặc biệt là việc tổng hợp kiến thức theo sơ đồ tư duy giúp em dễ nhớ và hiểu bài sâu hơn”. Chia sẻ của học sinh 1 hoàn toàn phù hợp với những gì mà tôi đã dự đoán trước quá trình can thiệp sư phạm, đó là trước khi áp dụng sơ đồ tư duy trong dạy học ngữ pháp tiếng Anh, giáo viên cần hướng dẫn học sinh cách vẽ, cách đọc sơ đồ tư duy.

Phần III. KẾT THÚC VẤN ĐỀ

1. Kết luận

Qua nghiên cứu và ứng dụng sơ đồ tư duy trong các bài học ngữ pháp, tôi nhận thấy nó giúp ích rất nhiều cho học sinh: học sinh tích cực hơn, cải thiện kỹ năng ghi chép, tích cực tham gia các hoạt động hơn, góp phần phát triển các kỹ năng tư duy phản biện của mình. Thậm chí một số học sinh yếu có thể vẽ và diễn đạt ý tưởng của mình bằng hình ảnh.

Từ dữ liệu thu thập được từ các quan sát: Kết quả phân tích danh sách kiểm tra quan sát cũng cho thấy rằng sự tương tác và thái độ của học sinh trong lớp cũng như bầu không khí chung trong lớp học luôn tích cực. Học sinh chú ý và hiểu các hướng dẫn và chủ đề được trình bày hiệu quả. Trong khi làm việc với sơ đồ tư duy, học sinh rất hợp tác với giáo viên miễn là họ làm theo hướng dẫn của giáo viên. Hơn nữa, những học sinh này thể hiện sự nhiệt tình hơn khi tham gia vào các hoạt động nhóm hoặc các cuộc trò chuyện như sơ đồ tư duy. Giáo viên quan sát cũng nhận xét học sinh rất tích cực tham gia các hoạt động, sẵn sàng học hỏi và hợp tác với các bạn cùng lớp.

Từ kết quả của bảng câu hỏi: Cuộc khảo sát cho thấy đa số học sinh được cung cấp thông tin rất đồng ý với những nhận định cho thấy sơ đồ tư duy giúp thúc đẩy sinh viên học tập trong các bài học ngữ pháp, đồng thời cũng chỉ ra rằng rất ít hoặc thậm chí không có học sinh nào phản đối mạnh mẽ với những nhận định đó. Tỷ lệ học sinh nói rằng họ không chắc chắn về các phát biểu là khá nhỏ. Điều này cũng có thể lý giải vì đối với những học sinh chưa biết về thì việc tự tin thể hiện ý tưởng của mình là khá khó khăn. Hơn nữa, học sinh chưa có nhiều thời gian để rèn luyện thành thạo cách lập sơ đồ tư duy. Nhìn chung, tôi có thể đi đến kết luận rằng học sinh tin rằng việc sử dụng bản đồ tư duy trong lớp học giúp họ nắm bắt tốt hơn các bài học ngữ pháp, tham gia tích cực hơn trong lớp và sau đó cải thiện kỹ năng tư duy phản biện. Cách làm này đã thu hút sự quan tâm của ngay cả những học sinh thờ ơ nhất.

Từ dữ liệu phỏng vấn: 8 trong số 92 học sinh tham gia được mời phỏng vấn cá nhân. Kết quả khá đa dạng do học sinh có trình độ tiếng Anh không đồng đều. Trước khi học ngữ pháp bằng sơ đồ tư duy, hầu hết học sinh đều cho rằng phải tập trung học ngữ pháp vì ngữ pháp tiếng Anh khó. Tuy nhiên, khi nhắc đến sơ đồ tư duy hầu hết mọi người đều nhận thấy sơ đồ tư duy giúp người học trong việc “Ghi nhớ” hiệu quả hơn. Quan trọng hơn, đối với việc cải thiện khả năng học tiếng Anh, hầu hết những người được phỏng vấn đều cho rằng sơ đồ tư duy sẽ giúp họ cải thiện kỹ năng học tập. Theo đó, tôi cũng có thể khẳng định việc sử dụng sơ đồ tư duy để dạy ngữ pháp đã tác động tích cực đến cách tiếp cận học tập của học sinh. Học sinh có thể đạt được sự độc lập, chủ động và sáng tạo trong khi phát triển các chiến lược học tập.

Với tất cả các kết quả và phân tích thu được từ quan sát lớp học, khảo sát và phỏng vấn học sinh, tôi có thể khẳng định nghiên cứu đã tìm được câu trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu đã đề ra trước đó. Đó là những ứng dụng của sơ đồ tư duy trong dạy Ngữ pháp tiếng Anh tạo động lực cho học sinh trong giờ học Ngữ pháp và đây có thể là những gợi ý để giáo

viên dạy Tiếng Anh trường THPT Thượng Cát hoàn thiện hơn các tiết học ngữ pháp bằng sơ đồ tư duy. Tuy nhiên, mọi thứ đều có hai mặt, không có phương pháp dạy học nào là tối ưu. Chúng ta cần vận dụng linh hoạt các cách khác nhau phù hợp với nội dung kiến thức hoặc kiểu bài trên lớp; nó sẽ hiệu quả nếu chúng ta sử dụng nó một cách hợp lý, và nó sẽ phản tác dụng như mất thời gian nếu chúng ta lạm dụng nó.

2. Bài học kinh nghiệm

Mục đích của nghiên cứu là để khám phá xem bản đồ tư duy có thể là một công cụ hiệu quả để dạy ngữ pháp tiếng Anh và tạo động lực cho học sinh trung học trong các bài học ngữ pháp hay không. Trong thời gian can thiệp sư phạm, tôi bám sát mục tiêu đề ra và thực hiện các bài học mô phỏng áp dụng các phương pháp được định hướng cẩn thận để thu được kết quả đáng tin cậy nhất. Khi học sinh bước sang môi trường học tập mới, bậc học cao hơn đòi hỏi học sinh phải có những phương pháp học tập mới. Đặc biệt, cần có kỹ năng ghi chép để đáp ứng những bài học có khối lượng kiến thức khổng lồ. Vì vậy, việc hướng dẫn học sinh vận dụng sơ đồ tư duy như một cách ghi chép hữu ích là rất thiết thực. Chỉ sau 4 tiết học thực hành vẽ sơ đồ tư duy của Unit 7 và Unit 8, các em đã có thể vận dụng khá tốt kỹ năng ghi chú đặc biệt này. Không chỉ đảm bảo học sinh ghi chép đầy đủ, chính xác mà còn tạo động lực để học sinh tham gia vào bài học. Đặc biệt, có rất nhiều học sinh có năng khiếu vẽ đã rất hứng thú với những tiết học như thế này. Những học sinh này đã có cơ hội thể hiện tài năng của mình trong học tập.

Bản đồ tư duy có thể giúp học sinh học ngữ pháp một cách tự nhiên và trực quan khi nó sử dụng hình ảnh, màu sắc và đường kẻ, cái mà có thể tiết lộ các mối quan hệ ngôn ngữ. Học sinh nên có thời gian để xem trước nội dung trước khi sắp xếp và tóm tắt nó bằng kỹ thuật bản đồ tư duy. Vẽ sơ đồ tư duy tự nhiên sẽ tạo ra một cách tiếp cận tư duy tốt cũng như phát triển thói quen học tập và tư duy hiệu quả. Bản đồ tư duy có thể giúp học sinh không chỉ học tập nhiều hơn mà còn phát triển kỹ năng tư duy tích cực và hiểu kiến thức tốt hơn. Ví dụ, sau khi dạy ngữ pháp Reported Speech trong Unit 9 với sự trợ giúp của sơ đồ tư duy, học sinh được hướng dẫn xem nó như một bức tranh lớn, ghi nhớ các từ khóa và sau đó tạo một sơ đồ tư duy tương tự về điểm ngữ pháp, trong đó phác thảo kiến thức hiện tại của họ. Sau khi hoàn thành, học sinh được chia thành các nhóm để thảo luận và nhận xét về bài làm, lĩnh hội được những khuyết điểm và ưu điểm, tiếp thu và củng cố những kiến thức mà các thành viên trong nhóm cung cấp.

Về công cụ và ứng dụng để thiết kế sơ đồ tư duy có thể là giấy, bìa, bảng phụ, phấn màu, bút chì màu, tẩy,... hoặc sử dụng phần mềm sơ đồ tư duy trên máy tính. Nếu sử dụng phần mềm, người dùng cần biết tiếng Anh, có hiểu biết cơ bản về máy tính và phần mềm. Bản đồ Tư duy Điện tử tỏ ra hiệu quả và hấp dẫn hơn so với bản đồ truyền thống bởi vì chúng dựa trên phần mềm máy tính chuyên dụng và nhanh chóng chuyên nghiệp bao gồm ảnh, màu sắc và hình vẽ thu hút người dùng. MindMeister, MindMaple, Inspiration, Mindmapper professional, Matchware, The Brain và Bubbl.us là một trong những ví dụ

phổ biến và hiệu quả nhất về phần mềm Bản đồ Tư duy hiện có trong giáo dục. E-Mind Mapping cung cấp cho học sinh đa phương tiện như hình ảnh, các hình dạng khác nhau của đường kẻ, hiệu ứng âm thanh, màu sắc, từ điển với giọng nói của người bản ngữ và nhiều loại phong chữ. Những ưu điểm này của E-Mind Map kích thích sự hứng thú của người học. Hơn nữa, việc sử dụng Bản đồ tư duy điện tử mang lại cho giáo viên khả năng và sự tự do để thể hiện ý tưởng và thể hiện trực quan mối quan hệ qua lại giữa các khái niệm và nội dung trong cấu trúc mạng thay vì cấu trúc tuyến tính.

Kết quả nghiên cứu này có thể thấy rằng nó đã khẳng định lại những phát hiện về tính ưu việt của việc áp dụng sơ đồ tư duy của các nghiên cứu trước đây trong dạy học nói riêng và dạy ngữ pháp tiếng Anh nói chung. Tuy nhiên, điều đặc biệt là nghiên cứu này đã có cái nhìn sâu hơn về việc ứng dụng sơ đồ tư duy trong dạy học các điểm ngữ pháp tiếng Anh phức tạp như So sánh, Mệnh đề quan hệ, Lời nói gián tiếp. Nó đã góp phần khẳng định ưu điểm của sơ đồ tư duy ngữ pháp tiếng Anh trong việc giúp phân loại, sắp xếp tất cả các điểm ngữ pháp và xác định mối quan hệ giữa chúng, giúp người học có cái nhìn tổng thể về một điểm ngữ pháp phức tạp một cách rõ ràng so với các nghiên cứu trước đây. Điều quan trọng là nghiên cứu đã lấp đầy lỗ hổng của nghiên cứu trước đó bằng cách cung cấp cái nhìn sâu sắc hơn về tác động của việc áp dụng sơ đồ tư duy trong các bài học ngữ pháp đối với động lực học Ngữ pháp tiếng Anh của học sinh trung học.

Nghiên cứu cũng đã giúp khẳng định ưu điểm của sơ đồ tư duy trong dạy và học ngữ pháp tiếng Anh là dễ nhìn, dễ viết, kích thích hứng thú và óc sáng tạo của người học, phát huy tối đa khả năng ghi nhớ tiềm tàng của não bộ, rèn luyện khả năng nhận biết chủ đề và phát triển các ý chính, ý phụ một cách logic, là yếu tố kích thích tạo động lực cho học sinh trong những giờ học ngữ pháp nhàm chán. Đây cũng là một sự lựa chọn phù hợp cho các giáo viên tại Cat High School nói riêng và các giáo viên trên toàn thế giới nói chung để các bài học ngữ pháp tiếng Anh của mình được tốt hơn.

Dựa trên kết quả và kinh nghiệm ứng dụng sơ đồ tư duy trong dạy ngữ pháp tiếng Anh, tôi xin đưa ra một số lưu ý cho các giáo viên khác khi áp dụng sơ đồ tư duy trong dạy học.

- Giáo viên cần đảm bảo cho học sinh hiểu sơ đồ tư duy là gì, quá trình tạo sơ đồ tư duy, cách đọc sơ đồ tư duy. Quan sát để thấy được những khó khăn của từng học sinh, từ đó hỗ trợ học sinh kịp thời, như vậy học sinh sẽ lập sơ đồ tư duy thành thạo, tránh tâm lý ngại học cái mới, học theo lối mòn.
- Cùng với sự tiến bộ của công nghệ hiện đại, giáo viên có thể khuyến khích học sinh sử dụng phần mềm sơ đồ tư duy để tiết kiệm thời gian.
- Trước mỗi bài học, học sinh được yêu cầu tìm hiểu về hiện tượng ngữ pháp sẽ học, làm việc theo cặp hoặc nhóm và chuẩn bị ý chính của hiện tượng ngữ pháp đó để chia sẻ với các bạn cùng lớp.
- Không nên áp dụng sơ đồ tư duy trong những bài dạy cấu trúc câu đơn lẻ.
- Giáo viên cần không ngừng học hỏi để tiếp cận các phong cách vẽ sơ đồ tư duy mới và nâng cao kỹ năng sử dụng sketchnote để tạo ra các bài học ngữ pháp sơ đồ tư duy hấp dẫn.

3. Hạn chế của đề tài

Nghiên cứu được thực hiện trong 4 tháng từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2022 với sự tham gia của 92 em học sinh lớp 10 trường THPT Thượng Cát. Đối tượng học sinh chỉ thuộc hai lớp riêng biệt nên kết quả thu được trong nghiên cứu có thể chưa mang tính khái quát cho việc học và dạy ngữ pháp của học sinh toàn trường phổ thông nói chung. Thứ hai, nghiên cứu này được thực hiện trong thời kỳ dịch covid-19, học sinh phải học trực tuyến trong một thời gian ngắn của quy trình can thiệp sư phạm nên ở một mức độ nào đó cũng ảnh hưởng đến việc quan sát lớp học. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu còn bị ảnh hưởng một phần bởi nhận thức của học sinh tham gia khảo sát. Một số học sinh có thể đưa ra câu trả lời sai lệch cho bảng câu hỏi khảo sát.

4. Khuyến nghị, đề xuất

Chúng ta đã biết, Tiếng Anh, với tư cách là môn ngoại ngữ, là môn văn hóa cơ bản, bắt buộc trong trường trình giáo dục phổ thông, là một bộ phận không thể thiếu của học vấn phổ thông. Môn Tiếng Anh ở trường phổ thông cung cấp cho học sinh một công cụ giao tiếp mới để tiếp thu những tri thức khoa học, kỹ thuật tiên tiến, tìm hiểu các nền văn hóa đa dạng và phong phú trên thế giới, dễ dàng hòa nhập với cộng đồng quốc tế.

Do đó giáo viên cần nhận thức được vai trò nhiệm vụ của mình, không ngừng học hỏi, nghiên cứu trau dồi trình độ chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao hiệu quả giảng dạy.

Yêu nghề, hăng say công việc, biết phát huy tính tích cực sáng tạo, tự học, tự nghiên cứu của học sinh, tạo không khí học tập cởi mở hòa đồng, thân thiện.

Tôi xin có một vài kiến nghị như sau:

Gợi ý cho các nhà nghiên cứu: trong các nghiên cứu tiếp theo, các nhà nghiên cứu nên khám phá tác dụng của việc sử dụng sơ đồ tư duy để thúc đẩy học sinh học tập ở các kỹ năng khác như đọc, nói, nghe và viết hoặc sử dụng sketchnote để tạo động lực học tập cho học sinh.

Gợi ý cho các nhà quản lý giáo dục: Không thể phủ nhận tầm quan trọng của kỹ năng ghi chép trong hiện tại và tương lai gần cũng như hiệu quả của việc sử dụng sơ đồ tư duy trong dạy và học đối với giáo viên và học sinh. Trong thời đại công nghệ thông tin, các ứng dụng sơ đồ tư duy số hiện nay có khả năng hỗ trợ tích cực để tăng chất lượng dạy học, nhưng với các phiên bản miễn phí, người dùng chỉ có thể sử dụng các tính năng cơ bản mà không thể khai thác các tính năng vượt trội của phần mềm. Vì vậy, để hỗ trợ giáo viên nâng cao chất lượng giảng dạy, các nhà quản lý có thể cân nhắc mua bản quyền đồng bộ cho đội ngũ giáo viên.

Với điều kiện và khả năng còn nhiều hạn chế, bài viết này không tránh khỏi thiếu sót, mong các thầy cô giáo và các bạn đồng nghiệp bổ sung, góp ý kiến để giúp tôi có nhiều kinh nghiệm hơn trong giảng dạy, đạt kết quả cao hơn trong công tác.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

10 XÁC NHẬN CỦA
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Anh Phương

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan công trình nghiên cứu trong sáng kiến kinh nghiệm này là của tôi viết, không sao chép nội dung của người khác.

Hà nội, ngày 10 tháng 3 năm 2023

Người viết

Khuất Thị Hạnh

DANH MỤC THAM KHẢO

1. Acharya, A. S., and A. Saxena Prakash. "P. & Nigam, A.(2013), " *Sampling: Why and How of It?*, *Indian Journal of Medical Specialties* 4.2, pp. 330-333.
2. Al Zahrani, J. (2015), The effect of using mind maps to learn English grammar to the third secondary class students in Sabya, *Unpublished MA Thesis*), *Um AlQura University, Sabya, Kingdom of Saudi Arabia*.
3. Ashley, J. (2019), *Academic self-concept, academic motivation, perceived support and academic performance of immigrant learners in South African schools*, Doctoral dissertation.
4. Abu Taleb, K, H. (2015). The Effectiveness of Pseudo Roles on Improving Grammar in Context for the Ninth Graders in the North Gaza Governorate. UnPublished M.A. Thesis, Al-Azhar University, Gaza.
5. Boyson, G. (2009), The use of mind mapping in teaching and learning, *The Learning Institute, Assignment*, 3(8), 123-145.
6. Brophy, J. E. (2004), *Motivating students to learn* (2nd ed), Lawrence Erlbaum Associates, pp. 432.
7. Buzan, T. (2018). *Mind Map Mastery: The Complete Guide to Learning and Using the Most Powerful Thinking Tool in the Universe*. Watkins Media Limited.
8. Cheung, C. S. S., & Pomerantz, E. M. (2012), *Why does parents' involvement enhance children's achievement? The role of parent-oriented motivation*, *Journal of Educational Psychology*, 104(3), 820.
9. D'Antoni, A. V., & Zipp, G. P. (2005), Applications of the mind map learning technique in chiropractic education, *Journal of Chiropractic Education*, 19(1), 53.
10. Deckers, L. (2010), *Motivation: Biological, Psychological, And Environmental* (3rd ed.), Boston, MA: Allyn & Bacon.
11. Dornyei. (2010), *Questionnaires in Second Language Research: Construction, Administration, and Processing*, 6, Routledge, New York, pp. 11- 21.
12. Ehrman, M. E. (1996), *Understanding second language learning difficulties*, Sage.
13. Elliot, A. J., & Thrash, T. M. (2001), *Achievement goals and the hierarchical model of achievement motivation*, *Educational psychology review*, 13(2), 139-156.
14. Gardner, R. C., & Lambert, W. E. (1972), *Attitudes and motivation in second-language learning*, Newbury House, Rowley.
15. Gardner, R. C. (1985), *Social Psychology and Second Language Learning: The Role of Attitude and Motivation*, London, UK: Edward Arnold.
16. Goodnough, K., & Long, R. (2002), Mind Mapping: A Graphic Organizer for the Pedagogical Toolbox, *Science Scope*, 25(8), 20-24.
17. Harmer, J. (2001). *The practice of English Language Teaching* (3rd end). England: Pearson Education limited.

18. Harter, S. (1981), A new self-report scale of intrinsic versus extrinsic orientation in the classroom: Motivational and informational components, *Developmental Psychology*, 17(3), 300.
19. Heidari, A. A., & Karimi, L. (2015), The effect of mind mapping on vocabulary learning and retention, *International Journal of Educational Investigations*, 2(12), 54-72.
20. Ismail, S. A. A. (2010), *ESP Students' Views Of ESL Grammar Learning*, 10, 14.
21. Kendall, J. (2018), *Handbook of Research on New Literacies*. Routledge.
22. Keles, Ö. (2012), *Elementary teachers' views on mind mapping*, International Journal of Education, 4(1), 93.
23. Kotcherlakota, S., Zimmerman, L., & Berger, A. M. (2013), Developing Scholarly Thinking Using Mind Maps in Graduate Nursing Education. *Nurse Educator*, 38(6), 252–255. <https://doi.org/10.1097/01.NNE.0000435264.15495.51>
24. Lukmani, Y. M. (1972), Motivation to learn and language proficiency, *Language Learning*, 22(2), 261–273. <https://doi.org/10.1111/j.1467-1770.1972.tb00087>.
25. Maehr, M. L., & Meyer, H. A. (1997), Understanding motivation and schooling: Where we've been, where we are, and where we need to go, *Educational psychology review*, 9(4), 371-409.
26. Melville, S., & Goddard, W. (1996), *Research methodology: An introduction*, Juta: Kenwyn.
27. Obaid, O. (2010). The Effectiveness of Three Grammar Teaching Approaches on the Achievement of Secondary School Students. *Unpublished Master Thesis*, Faculty of Education: IUG, Gaza.
28. O'Malley, J. M., Malley, M. J. O., Chamot, A. U., & Michael, O. J. (1990), *Learning Strategies in Second Language Acquisition*, Cambridge University Press.
29. Perween, A. (2018), New techniques for teaching English grammar, *Literary Herald: International Journal of English and Literature*, 3(5), 384-391.
30. Rofi'i, A., Rukmini, D., & Hartono, R. (2014), *Improving students' motivation in writing descriptive texts by using the mind mapping technique*, English Education Journal, 4(2).
31. Singh, R. (2011). Controversies in Teaching English Grammar. *Academic Voices: A Multidisciplinary Journal*, 1, 56-60.
32. Suseno, C. I., & Setyawan, S. (2014), The effect of using mind mapping technique on the students' grammar achievement, In *The 61 TEFLIN International Conference: UNS Solo*.
33. Thornbury, S. (2004). *How to Teach Grammar?*, England: Pearson Education.
34. Torres, A. C., Lopes, A., Valente, J. M. S., & Mouraz, A. (2017), What catches the eye in class observation? Observers' perspectives in a multidisciplinary peer

observation of teaching program, *Teaching in Higher Education*, 22(7), 822–838.
<https://doi.org/10.1080/13562517.2017.1301907>

35. Wang, L. (2019), Research on the Application of the Mind Map in English Grammar Teaching, *Theory and Practice in Language Studies*, 9(8), 990.
<https://doi.org/10.17507/tpls.0908.15>
36. Wibowo, F. E. (2020), A Mind Mapping: A Strategy to Enhance Students' English Grammatical Structure, *Al-Lisan: Jurnal Bahasa (e-Journal)*, 5(2), 213-229.
37. Williams, M., & Burden, R. (1997), Motivation in language learning: A social constructivist approach, *Cahiers de l'APLIUT*, 16(3), 19–27.

PHỤ LỤC

1. Bảng câu hỏi khảo sát

SURVEY QUESTIONNAIRE (Vietnamese version)

Các em học sinh thân mến,

Mục đích của phiếu khảo sát này là để tìm hiểu xem việc áp dụng sơ đồ tư duy trong các bài học Ngữ Pháp Tiếng Anh có giúp các em thấy hứng thú và thích lệ trong các giờ học Ngữ Pháp của lớp 10A2 và 10A8 Trường THPT Thượng Cát? Dữ liệu thu thập được qua bảng hỏi này chỉ sử dụng cho mục đích của nghiên cứu, không cho bất kỳ mục đích nào khác. Sự hỗ trợ của bạn trong việc hoàn thành bảng câu hỏi được đánh giá cao. Xin chân thành cảm ơn các em!

I. Thông tin cá nhân và tổng quan việc học ngữ pháp Tiếng Anh

Em hãy trả lời những câu hỏi sau đây bằng cách đánh dấu (✓) vào câu trả lời thích hợp hoặc viết câu trả lời vào chỗ trống.

1. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

2. Em bắt đầu học tiếng Anh từ khi nào?

.....

3. Theo ý kiến của em, Ngữ pháp Tiếng Anh là _____.

1. khó nhất ☐

3. khó như các kỹ năng khác ☐

2. dễ nhất ☐

4. dễ như các kỹ năng khác ☐

4. Em thích học Ngữ pháp tiếng Anh như thế nào ?

☐ 1. Theo cách truyền thống (giáo viên trình bày các dạng, ý nghĩa và cho ví dụ)

☐ 2. Với bản đồ tư duy (giáo viên sử dụng bản đồ tư duy để hình dung các điểm ngữ pháp tiếng Anh)

5. Em có gặp khó khăn trong việc ghi nhớ cấu trúc và quy tắc ngữ pháp không?

1. Rất khó khăn ☐ 2. Bình thường ☐ 3. Không khó lắm ☐ 4. Rất dễ ☐

II. Trải nghiệm của học sinh khi học Ngữ pháp tiếng Anh qua sơ đồ tư duy
Em hãy đánh dấu (✓) vào câu trả lời thích hợp

		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Thái độ						
1	Tôi thấy các bài học ngữ pháp tiếng Anh dễ dàng hơn và thú vị hơn.					
2	Tôi có thể thấy các điểm ngữ pháp một cách sinh động hơn.					
3	Tôi có thể tập trung nhiều hơn vào các bài học ngữ pháp tiếng Anh.					
4	Bản đồ tư duy ngữ pháp làm cho lớp học trở nên ổn định hơn, dễ chịu hơn.					
5	Tôi không còn bối rối khi đương đầu với những bài học ngữ pháp phức tạp.					
6	Bản đồ tư duy cung cấp cho tôi cái nhìn tổng quan hoàn hảo về các điểm ngữ pháp tiếng Anh.					
7	Bản đồ tư duy ngữ pháp khiến tôi thích học tiếng Anh hơn.					
8	Những bài học ngữ pháp dài không còn khiến tôi cảm thấy mệt mỏi và lo lắng.					
9	Tôi có thể phân loại và sắp xếp tất cả các điểm ngữ pháp và xác định mối quan hệ của chúng.					
10	Tôi không còn lo lắng khi giáo viên giải thích một điểm ngữ pháp mới.					
11	Tôi có thể ghi lại lý thuyết ngữ pháp một cách nhanh chóng và chính xác hơn.					
Hành vi						

12	Tôi có động lực hơn trong các bài học Ngữ pháp.					
13	Tôi là một người sẵn sàng tham gia tích cực hơn vào các bài học Ngữ pháp.					
14	Tôi có thể cải thiện khả năng hợp tác với các bạn cùng lớp khi chúng tôi làm việc theo nhóm để vẽ sơ đồ tư duy.					
15	Tôi có thể cải thiện kỹ năng ghi chú của mình.					
16	Học bằng sơ đồ tư duy thúc đẩy tôi nỗ lực hơn trong học tập.					
17	Tôi có thể nhớ các quy tắc và cấu trúc ngữ pháp dễ dàng hơn.					
18	Bản đồ tư duy đầy màu sắc kích thích hứng thú học tập và sáng tạo của tôi.					
19	Tôi tình nguyện nhiều hơn trong các hoạt động trong các lớp học tiếng Anh.					
20	Tôi có thể cải thiện kết quả kiểm tra của mình.					

Cảm ơn sự hợp tác của các em!

2. Quan sát lớp

Class observation checklist

SD= Strongly Disagree (1) D = Disagree (2)						
N= Not sure (3) A = Agree (4)						
SA = Strongly Agree (5)						
Category	Content	Evaluation				
		1	2	3	4	5
Students' attitudes	Attention to the learning process					
	Positive attitude towards the goal of knowledge provided					
Student interaction	Actively take part in activities					
	Involvement of the students in creating Grammar mind maps					

Classroom atmosphere	Existence of stimulating learning environment					
	Existence of collaboration among students					

3. Câu hỏi phỏng vấn

Informal interview questions (English version)

1. How do you see your foreign language ability? (Good, pretty or very poor...)
2. Do you focus on learning grammar? Why?
3. What do you like about applying mind maps in learning English Grammar?
(stimulating you to learn, making them interesting, helping you to remember effectively grammar phenomena)
4. What do you not like about applying mind maps in learning English Grammar?
5. Is your English ability improved when learning Grammar with mind map?

4. Bài dạy mẫu

Lesson Plan 1

Unit 7. CULTURAL DIVERSITY Language

A. Aims:

- To teach Ss to pronounce correctly two –syllable words of different parts of speech but with the same spelling in isolation and in context.
- To teach Ss to use comparative, superlative adjectives and articles.

B. Objectives

- By the end of the lesson, students will be able to:
 - + Understand and use comparative, superlative adjectives and articles.
 - + Pronounce correctly two –syllable words of different parts of speech but with the same spelling in isolation and in context.
 - + Use some lexical items related to the topic *Cultural diversity* in context.

C. Preparations:

- Teacher: Handouts, textbook, pieces of papers and cassette.
- Students: Textbook

D. Methods: - The whole lesson: Integrated, mainly communicative.

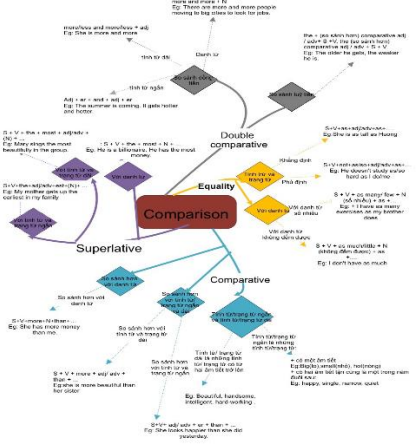
E. Anticipated problems

Ss may find it hard to remember the use of form of the grammatical points and pronouncing linking vowels so teacher should be ready to assist them.

F. Procedures:

Time/Stages	Teacher and students' activities	Content
Warm-up 6 minutes	- Teacher shows a short video to revise some adjectives. - Students watch the video then work in groups of 6 students to list as many adjective as possible.	1. <i>interesting</i> 2. <i>complicated</i> 3. <i>good</i> 4. <i>expensive</i> 5. <i>crowded</i> 6. <i>boring</i>

		7. young 8. practical 9. intelligent 10. handsome
1. Lead-in 1 minutes	- T informs the class of the lesson objectives: Getting to know comparative and superlative adjectives and articles, pronounce	
2. New lesson 5 minutes	A. Vocabulary: Activity 1: Matching - Ask Ss to read the conversation again to find and underline the seven words - Have Ss identify the part of speech of these words (they are all nouns) - Ask Ss to study the words and phrases around these seven words and predict their meanings - Tell Ss to match these words with their given definitions - Let Ss work on their own first, then compare their answers with a partner - Check the answer as a class - Teacher may teach some related words or phrases depending on Ss' level of proficiency + <i>to be/ get engaged to sb</i> +to <i>propose to sb: to ask sb to marry you</i> +to <i>arrange / plan a wedding</i> +to <i>make a toast to the bride and groom</i> + <i>the newly-wedded couple</i> Activity 2: Circle the correct words - Introduce and explain the requirement of this activity is to choose the correct word for the context in each sentence. - Set a time limit for completing the activity - Encourage Ss to exchange their answers with a partner to see if they understand the contexts and meaning of each sentence - Elicit answers from the whole class and give more explanation to help Ss understand correctly, if necessary	* Key: 1. <i>g</i> 2. <i>e</i> 3. <i>d</i> 4. <i>b</i> 5. <i>a</i> 6. <i>c</i> 7. <i>f</i> * Key: 1. <i>wedding</i> 2. <i>groom</i> 3. <i>bride</i> 4. <i>reception</i> 5. <i>guests</i> 6. <i>before</i> 7. <i>engaged</i>
2. Grammar	2. Grammar	2. Grammar:

15 minutes	Comparative and superlative adjectives - Firstly ask Ss to look at the examples and revise the comparative and superlative form of the adjectives. - T asks student to draw the rules orally. - Teacher gives final feedback by means of a mindmap. - Teacher asks students to work in groups of 4 students trying to create a mind map of the grammar point. - Teacher observes and provides help when in need. - Teacher collects a good mindmap and asks the owner to present the rules to the class. - Teacher asks for comments, give feedback and marks.	Comparative and superlative adjectives <u>E.g:</u> My house is smaller than your house. My house is the smallest in this street. Exercise 1 is more difficult than exercise 2. Exercise 1 is the most difficult in this book. 
5 minutes	Activity 3: Write five sentences - Explain the activity: write five sentences comparing the two weddings - Ask Ss to work in groups. Give each group a large size piece of paper to write down their sentences - Set a time limit for this activity. When time is up, ask all the groups to stick their paper on the board or around the classroom. - Give Ss time to look at other groups' sentences to see if they have interpreted and presented the information from the table in the same way - Check all groups' sentences and encourage Ss to come up with sentences using other comparatives in addition to the suggested answers. - Give Ss time to write the correct sentences into their notebook.	Answers: 1. Mr Smith's wedding was more crowded than Mr Long's (wedding) 2. Mr Smith's wedding reception was more expensive than Mr Long's 3. Mr Smith was older than Mr Long when he got married. 4. Mr Long's engagement period was longer than Mr Smith's 5. The service at Mr Smith's wedding was better than at Mr Long's wedding

5 minutes	Activity 4. Complete the worksheet - Teacher asks students to form groups of 6 students and gives them the worksheets. - Students work and complete the worksheets. - Collect the firstly finished and asks for comment.	
3. Wrap-up 2 minutes	- Ask Ss: What have you learnt today? What can you do now? - Summarize the main points of the lesson.	Expected answers: + Talk about Vietnamese wedding + Use words or phrases about weddings and wedding rituals + Use comparative and superlative adjectives in a meaningful way
4. Homework 1 minute	- T asks Ss to do exercises again at home. - Prepare for the next lesson. - Complete Exercises in workbook.	

Lesson Plan 2

Unit 7. CULTURAL DIVERSITY

Looking back

A. Aims

- To help Ss pronounce correctly two-syllable words of different parts of speech but the same spelling in isolation and in context.
- To teach Ss some lexical items related to the traditions, cultural characteristics and superstitions.

B. Objectives:

- By the end of the lesson Ss are able to:
 - + Pronounce correctly two-syllable words related to the topic *Cultural diversity*.
 - + Use some key words of the topic *Cultural diversity*.
 - + Do the exercises on comparative and superlative adjectives.

C. Preparations:

- Teacher: Handouts, textbook, pieces of papers and cassette.
- Students: Textbook

D. Methods: - The whole lesson: Integrated, mainly communicative.

E. Anticipated problems

Ss may find it hard to remember the use of form of the grammatical points and pronouncing linking vowels so teacher should be ready to assist them.

F. Procedures:

Time/Stages	Teacher and students' activities	Content
1. Warm-up 5 minutes	Game Move and freeze	https://www.youtube.com/watch?v=388Q44ReOWE/
2. New lesson Pronunciation 7 minutes	Pronunciation Activity 1: Listen to some sentences and put the mark (') before the stressed syllable in the words below. - Ask Ss to tell the differences in stress patterns of the words that have the same spelling, but belong to different parts of speech - Play the CD once and ask S to put the mark before the stressed syllable in the words given. - Let them listen again if necessary - Ask Ss to check their answer with other classmates - Elicit answers from the whole class - Let Ss listen again and pause to help them to notice the stress of the target words	*Key: 1. ex'port 2. 'protest 3. 'contrast 4. im'port 5. ob'ject
Vocabulary 7 minutes	Vocabulary Activity 1: Complete the passage with one of the words / phrases from the box. - Ask Ss to work on their own first. - Then ask Ss to compare answers with a partner to see if they have the same answer - After that, elicit answers from the whole class and correct the wrong ones - Ask Ss to read the text again and practice retelling the story in pairs or groups if there is enough time	*Key: 1. wife 2. get married 3. engage 4. reception 5. honeymoon. 6. wedding 7. bridegroom 8. best man 9. bride 10. bridesmaids

Grammar 23 minutes	Grammar Activity 1. Draw mind maps - T asks students to work in groups of 6 students, recall the rules of comparison and draw a mind map of the grammar point. - T has one or two groups present the grammar point before the class. - Teacher asks for comments and give feedback.	Expected answer 
	Activity 2: Fill in the gaps with the correct form of the adjective in brackets. Add any other words if necessary. - Ask Ss to work individually and then exchange with others. - Two students write the answers on BB. - Teacher asks for comments and feedback.	*Key: 1. harder, easier 2. more/less dangerous 3. the most famous 4. more polluted 5. the most delicious
	Activity 3. Listen and complete the passage with missing words. - Teacher plays the video. (from blank1 to ten only, if there is not enough time,) - Students listen and complete the gap with a comparative adjective. - Teacher asks students to cross check their answers.	http://www.tubequizard.com/quiz.php?id=79/
3.Wrap-up 2 minutes	- Ask Ss to consolidate the main contents. - Ask Ss: <i>What have you learnt today?</i> <i>What can you do now?</i>	Expected answer: + Learn more about cultural aspects of Vietnam + Give presentation about those cultural aspects
4.Homework 1 minute	- T asks Ss to learn the structures and vocabulary. - Draw a mind map of the grammar point. - Prepare for the next lesson.	-listen and take notes

Lesson plan 3

Unit 8. NEW WAYS TO LEARN Language

A. Aims

- To teach Ss to pronounce correctly three –syllable adjectives and verbs in isolation and in context.
- To teach Ss to use relative clauses: Defining and non-defining relative clauses with “who, that and whose”

B. Objectives:

- By the end of the lesson, students will be able to:
 - + Understand and use relative pronouns and relative clauses.
 - + Pronounce correctly three –syllable adjectives and verbs in isolation and in context.
 - + Use some lexical items related to the topic *New ways to learn* in context.

C. Preparations:

- Teacher: Handouts, textbook, pieces of papers and cassette.
- Students: Textbook

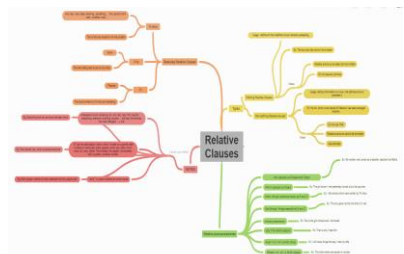
D. Methods: - The whole lesson: Integrated, mainly communicative.

E. Anticipated problems

Ss may find it hard to remember the use of form of the grammatical points and pronouncing linking vowels so teacher should be ready to assist them.

F. Procedures:

Time/Stages	Teacher and students' activities	Content
1. Lead-in 3 minutes	- T informs the class of the lesson objectives:	Getting to know relative pronouns and relative clauses.
2. New lesson 8 minutes	1. Vocabulary: Activity 1: Matching - Ask Ss to work individually, read the phrases(1-5) then find the meaning for each of them (a-e) in 3 minutes -Elicit Ss to use the context of the conversation to choose the meaning for each phrase.	* Key: 1. a 2. d 3. b 4. c 5. a
	Activity 2: Read the conversation in GETTING STARTED again. Match pictures A-C with their uses as learning tools 1-6 mentioned below. -Ask Ss to work individually first, then check with a partner. - Check with the whole class and ask Ss if they have ever used one of these devices and add more uses if any.	* Key: 1. A,B,C 2. A, C 3. A, C 4. B 5. B 6. A,B, C
10 minutes	2. Pronunciation Activity 1: Listen and repeat	

	- Play the recording for Ss to listen. - play it again with pauses for Ss to listen and repeat. - Ask some Ss to read the words again and give comment on Ss' pronunciation - Invite individuals Ss at random to read the words. Correct them, if necessary .	
	Activity 2: Listen again and put a mark (') before the stressed syllable. - Focus on the stress patterns of three-syllable adjectives and verbs. - Ask Ss to listen and practice saying them correctly - Play the tape again. Ask Ss to put a mark before the stress syllable in each word. - Check with the whole class to make sure that every student has done this exercise correctly. Teacher elicits some rules	* Key: <i>'concentrate</i> <i>'similar</i> <i>con'tribute</i> <i>'digital</i> <i>intro'duce</i> <i>'excellent</i> <i>'recognise</i> <i>Vietna'mese</i> <i>under'stand</i> <i>'personal</i> <i>'interest</i> <i>sym'bolic</i>
16 minutes	3. Grammar Defining and non-defining relative clauses Activity 1: Read the following sentences from <i>GETTING STARTED</i>. Underline 'which', 'that', 'who' and "whose". What are these words used for? Decide if the clauses are defining or nondefining relative clauses. - Ask Ss to read the sentences taken from Getting started underlined the relative pronouns and their functions. - Revise the uses of the relative pronouns through these sentences. - Help Ss to distinguish defining relative clause vs non-defining relative clause. - Check Ss' work and comment. Teacher further explains the grammar points using a mind map and encourages students to take notes the grammar in mind maps, too. (by hands or digital software)	* Key: 1. that 2. which 3. That 4. which 5. whose - These pronouns are used to define or identify the nouns preceding them. + Defining relative clauses: 1,3,5 + Non- defining R.Cs: 2,4 https://coggle.it/diagram/YjHfu0xYAvZE7LFK/t/relative-clauses/ 

	Encourage Sts to create a mind map of their own Aks for a volunteer to retell the grammar point Activity 2: Match 1 -6 with a-f to make meaningful sentences. - Have Ss work in pairs to match sentence part in A with a suitable one in B in 4 minutes. - Check some Ss' answer and comment. - Ask Ss to read watch out, check for comprehension.	 * Key: 1. e 2. d 3. a 4. f 5. c 6. b
	Activity 3: Use 'who', 'which', 'that' or 'whose' to complete each of the sentences. - Let Ss do this exercise in 4 minutes. - Call some Ss at random to give the answer and then give feedback to Ss' work.	Answers: 1. which/ that 2. whose 3. which 4. who/ that 5. whose 6. Who
3.Wrap-up 2 minutes	- Ask Ss: What have you learnt today? What can you do now? - Summarize the main points of the lesson.	+ Understand use relative pronouns and relative clauses. + Pronounce correctly three –syllable adjectives and verbs in isolation and in context. + Use some lexical items related to the topic New ways to learn in context.
4. Homework 1 minute	- T asks Ss to do exercises again at home. - Prepare for the next lesson. - Complete Exercises in workbook.	

Lesson plan 4

Unit 8. NEW WAYS TO LEARN

Looking back

A. Aims

- To help Ss pronounce correctly three -syllable adjectives and verbs in isolation and in context.
- To teach Ss some lexical items related to new ways to learn.

B. Objectives:

- By the end of the lesson Ss are able to:
 - + Pronounce correctly three -syllable adjectives and verbs related to the topic new ways to learn.

- + Use some key words of the topic new ways to learn.
- + Remember and use the grammar point, Relative clauses and do the exercises on relative clauses.

B. Preparations:

- Teacher: Handouts, textbook, pieces of papers and cassette.
- Students: Textbook

C. Methods: - The whole lesson: Integrated, mainly communicative.

D. Anticipated problems

Ss may find it hard to remember the use of form of the grammatical points and pronouncing linking vowels so teacher should be ready to assist them.

E. Procedures:

Time/Stages	Teacher and students' activities	Content
1. Warm-up 6 minutes	* Chain game	T: Yesterday I met a girl S1: <i>who was lost her way.</i> S2:
2. New lesson 6 minutes	Pronunciation Activity 1: Listen and repeat - Teacher plays the recording. Have students listen and repeat after the recording. - Teacher helps students to review the stress patterns of three-syllable adjectives and verbs. Activity 2: Listen and mark - Teacher plays the recording again. Students listen and put a mark (') before the stressed syllable.	Key 'adjective, e'lectric, e'ffective, 'wonderful, con'venient, 'similar, 'graduate, de'velop, con'tinue, con'sider, 'dedicate, recom'mend
Vocabulary: 10 minutes	Vocabulary Activity 1: Complete the text with the appropriate words from the box - Teacher informs students that the words in the box are among the most commonly used in the unit. Students decide which words best complete the sentences. - Teacher may help to remind the meaning and use of the words given. Alternatively, extend this activity by asking students to make their own sentences with each of the words.	*Key: 1. D 2. E 3. B 4. C 5. F 6. A

	Activity 2: In pairs, ask and answer the following questions. - Teacher asks students to pay attention to the instructions. Set a time limit and have students do the activity individually. - Call on 3 students to write their answers on the board	1. How can we use electronic dictionaries? => <i>We can easily download them into your personal electronic device we can carry with us everywhere.</i> 2. Why is learning new vocabulary with a dictionary not the best way? => <i>Because learning new vocabulary by translating slows down the learning process.</i> 3. //
20 minutes	Grammar Activity 1. Create mind maps - T asks students to work in groups of 6 students, recall the rules of Relative clauses and draw a mind map of the grammar point. - T has one or two groups present the grammar point before the class. - Teacher asks for comments and give feedback. Activity 2: Use 'which', 'that', 'who' or 'whose' to fill in each gap. - Teacher sets the time limit and gets students to do the activity individually, then call on some students to tell their answers and write the correct answers on the board. - Ask Ss to work individually and then exchange with others	Expected answer  *Key: 1. <i>which/ that</i> 2. <i>who</i> 3. <i>which</i> 4. <i>whose</i> 5. <i>who/ that</i> 6. <i>whose</i>
	Activity 2: Combine each pair of sentences into one. Use comma(s) if necessary. - Teacher asks students to pay attention to the instructions. Set a time limit and have students do the activity individually. - Call on six students to write their answers on the board. Underline any mistakes and ask other students	Key 1. <i>Shakespeare was a famous playwright. His birthplace was Stratford-upon-Avon.</i> => <i>Shakespeare, whose birthplace was Stratford-upon-Avon, was a famous playwright.</i> 2. => <i>His grandmother, who was a hard-working woman, had a great influence on his life.</i>

	to correct them. Provide help, if necessary.	3. => <i>Tom has hundreds of books, which are all on foreign languages.</i> 4. /5/6
3.Wrap-up 2 minutes	- Ask Ss to consolidate the main contents. - Ask Ss: <i>What have you learnt today?</i> <i>What can you do now?</i>	Expected answer: + <i>I can pronounce correctly three -syllable adjectives and verbs.</i> + <i>I can use relative pronouns "which, that, who and whose."</i>
4.Homework 1 minute	- T asks Ss to learn the structures and vocabulary. - Prepare for the next lesson.	Listen and take notes

5. Một số sản phẩm của học sinh

Học sinh hợp tác vẽ sơ đồ tư duy



Học sinh hợp tác vẽ sơ đồ tư duy trên Coggle.it

